

Bài 1:

ÔN TẬP

TIẾNG NÓI VẠN VẬT (THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ)

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 1 *Tiếng nói vạn vật (thơ bốn chữ, năm chữ)*:

- Ôn tập một số đặc điểm hình thức (vần, nhịp, biện pháp tu từ), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của bài thơ bốn chữ, năm chữ.
- Ôn tập các kiến thức về tiếng Việt để giải quyết các bài tập thực hành về tiếng Việt: Nhận biết và chỉ ra được tác dụng của phó từ; sử dụng phó từ để mở rộng câu
- Ôn tập cách viết và thực hành viết được một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

2. Năng lực:

+*Năng lực chung*: Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+*Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

3. Phẩm chất:

- Cảm nhận và yêu vẻ đẹp của thiên nhiên.
- Trân trọng những tình cảm đẹp đối với thiên nhiên, quê hương, đất nước. Có nhiều hành động tích cực bảo vệ môi trường thiên nhiên.
- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu:

- Tham khảo SGK, SGK, SBT Ngữ văn 7 Chân trời sáng tạo, tập 1,
- Tài liệu ôn tập bài học.

2. Thiết bị và phương tiện:

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.
- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.

- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

C.PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC

- **Phương pháp:** Thảo luận nhóm, động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

- **Kỹ thuật:** Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ

BUỔI 1

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm vụ học tập.

2. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ suy nghĩ

3. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Báo cáo sản phẩm dạy học dự án mà GV đã giao sau khi học xong bài 1 buổi sáng:

- **Nhóm 1, 2: Nhóm Phóng viên:**

Yêu cầu: Làm video giới thiệu tác giả và tác phẩm có trong bài học 1, ví dụ:

+ *Trần Hữu Thung và những bài thơ về đồng quê.*

+ *Lời thì thầm của tự nhiên trong các văn bản “Lời của cây”, “Sang thu”, “Chim chiền chiện”.*

(Có thể tưởng tượng ra cuộc gặp gỡ giữa nhà văn với phóng viên và tiến hành cuộc phỏng vấn).

- **Nhóm 3, 4: Nhóm Hoạ sĩ (PP phòng tranh)**

Yêu cầu:

+ Cách 1: Chọn 1 văn bản và vẽ các bức tranh minh hoạ nội dung của văn bản đó.

+ Cách 2: Triển lãm phòng tranh các bức tranh vẽ minh hoạ nội dung các văn bản đã học của bài 1.

(Nhiệm vụ các nhóm đã được giao trước một tuần sau tiết học buổi sáng)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm dự án của nhóm.

GV khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập:

Các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm bạn sau khi nhóm bạn báo cáo.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

- GV nhận xét, khen và biểu dương các nhóm có sản phẩm tốt.
- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 1:

KĨ NĂNG	NỘI DUNG CỤ THỂ
Đọc hiểu văn bản	Đọc hiểu văn bản: + Văn bản 1: <i>Lời của cây</i> (Trần Hữu Thung) + Văn bản 2: <i>Sang thu</i> (Hữu Thỉnh)
	Thực hành đọc hiểu: + Ông Một (Vũ Hùng) + Con chim chiền chiện (Huy Cận)
	Thực hành Tiếng Việt: Đặc điểm và chức năng của phó từ.
Viết	Viết: Làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
Nghe	Nói và nghe: Nghe và tóm tắt ý chính do người khác trình bày.

HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP: NHẮC LẠI KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học Bài 1 *Lời của cây*
- Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.
- Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
- Tổ chức thực hiện hoạt động.**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,
- HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 1.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực trả lời.
- GV khích lệ, động viên

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

GV nhận xét, chốt kiến thức

ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

❖ KIẾN THỨC CHUNG VỀ THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ

Câu hỏi:

- Em hãy nêu lại một số kiến thức chung về thể loại thơ bốn chữ, năm chữ: Khái niệm, hình ảnh thơ, cách gieo vần, nhịp, nội dung.
- Em hãy nêu những lưu ý khi đọc hiểu một văn bản thần thoại hay sử thi.

1. Một số kiến thức chung về thể loại thơ bốn chữ, năm chữ

1. Khái niệm	- Thơ bốn chữ là thể thơ mỗi dòng có bốn chữ, thường ngắt nhịp 2/2 - Thơ năm chữ là thể thơ mỗi dòng có năm chữ, thường ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3.
2. Hình ảnh thơ	- Là những chi tiết, cảnh tượng từ thực tế đời sống được tái hiện bằng ngôn ngữ thơ ca, góp phần diễn tả cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ về thế giới và con người.
3. Vần, nhịp trong thơ	- Vần: + Vần chân là vần được gieo vào cuối dòng thơ, nghĩa là các tiếng ở cuối dòng vần với nhau. + Vần lưng là vần được gieo ở giữa dòng thơ, nghĩa là tiếng cuối của dòng trên vần với một tiếng nằm ở giữa dòng dưới hoặc các tiếng trong cùng một dòng thơ hiệp vần với nhau + Vai trò của vần: liên kết các dòng và câu thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhạc điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ, đồng thời làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc. - Nhịp:

		+ Nhịp thơ được biểu hiện ở chỗ ngắt chia dòng và câu thơ thành từng vế hoặc ở cách xuống dòng đều đặn ở cuối mỗi dòng thơ. + Vai trò: tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần biểu đạt nội dung bài thơ.
Nội dung	Thơ bốn chữ	- Thơ bốn chữ phù hợp với việc sáng tác thơ cho trẻ em do dễ nhớ, dễ đọc, dễ làm và rất gần gũi với các em nhỏ. - Thơ bốn chữ thường để diễn đạt những nội dung vui tươi, hồn nhiên, dí dỏm, tinh nghịch, nhí nhảnh,..nhờ ưu điểm câu thơ ngắn, gieo vần nhịp nhàng
	Thơ năm chữ	- Thể thơ năm chữ cũng giống như thể thơ bốn chữ, tức là cũng kể chuyện kể việc, kể người. Nhưng thể thơ năm chữ có nội dung phản ánh phong phú và lớn lao hơn. + Phản ánh những vấn đề xã hội sâu sắc như : tố cáo tội ác của bọn quan lại, tố cáo những bất công vô lí trong xã hội cũ (Ghét chuột – Nguyễn Bình Khiêm ; Những điều trông thấy – Nguyễn Du). + Thể hiện nỗi niềm tâm sự của các tác giả trước cuộc đời (Ông đồ – Vũ Đình Liên; Tiếng thu – Lưu Trọng Lư). + Trong văn học hiện đại sau Cách mạng tháng Tám, thể thơ năm chữ còn đề cập đến nhiều nội dung khác nữa như : ca ngợi lãnh tụ (Đêm nay Bác không ngủ – Minh Huệ) ; ca ngợi anh bộ đội Cụ Hồ (Cá nước – Tố Hữu) ; miêu tả thiên nhiên (Mầm non – Võ Quảng) ; ca ngợi tình cảm gia đình (Thăm lúa – Hoàng Trung Thông ; Lời ru của mẹ – Xuân Quỳnh).

2. Cách đọc hiểu một văn bản thơ bốn chữ, năm chữ

- Sử dụng kĩ năng tưởng tượng khi đọc các từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong thơ.
- Tìm ý nghĩa các từ ngữ, hình ảnh đặc sắc.
- Xác định các biện pháp nghệ thuật, cách ngắt vần, nhịp và hiệu quả của chúng.
- Rút ra được bài học cho bản thân.

🔴VĂN BẢN ĐỌC HIỂU

*** Hoàn thành phiếu học tập 01: Chia lớp thành 03 nhóm, mỗi nhóm hoàn thiện về một tác phẩm.**

Tên văn bản	Đặc sắc nội dung	Đặc sắc nghệ thuật
<i>Lời của cây</i> (Trần Hữu Thung)		
<i>Sang thu</i> (Hữu Thỉnh)		
<i>Ông Một</i> (Vũ Hùng)		
<i>Con chim chiền chiện</i> (Huy Cận)		

***GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

ÔN TẬP VĂN BẢN 1: LỜI CỦA CÂY (TRẦN HỮU THUNG)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả Trần Hữu Thung

- Trần Hữu Thung (1923-1999) sinh tại quê gốc Diễn Châu, Nghệ An.
- Tham gia Việt Minh từ 1944. Trong kháng chiến chống Pháp là cán sự văn hoá, cán bộ tuyên truyền thuộc Liên khu IV rồi phụ trách Chi hội văn nghệ liên khu. Làm thơ, viết ca dao nhiều từ dạo đó.
- Sáng tác nhiều thể loại: thơ, văn xuôi, tiểu luận,... nổi bật là thơ
- Trần Hữu Thung có phong cách một nhà thơ dân gian. Thơ đối với ông, những ngày đầu cầm bút, chỉ là phương tiện công tác, ông viết để ca ngợi chiến công, phổ biến chủ trương chính sách, phản ánh đời sống người nông dân kháng chiến. Lời lẽ mộc mạc, tình cảm thật thà, phổ cập. Trần Hữu Thung không quan tâm lắm đến cái mà bây giờ ta gọi là trữ tình riêng tư. Ông không nói chuyện mình. Không vui buồn chuyện riêng. Đúng hơn, lòng ông vui buồn cùng vận nước, tình dân.

=> Mệnh danh là “nhà thơ nông dân”

2. Bài thơ *Lời của cây* (Trần Hữu Thung)

a. Thể thơ: Thơ bốn chữ

b. Đọc văn bản: Kỹ năng đọc tưởng tượng

c. Bố cục: 2 phần

- Phần 1: 5 khổ đầu: Lời của nhân vật trữ tình.

- Phần 2: Khổ cuối: Lời của cây

e. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật

***Giá trị nội dung:**

- Tình cảm yêu mến, nâng niu, trân trọng của tác giả đối với mầm cây, vạn vật.

- Khao khát của cây muốn được đóng góp màu xanh cho cuộc sống; khao khát được con người hiểu và giao cảm.

***Giá trị nghệ thuật:**

- Từ ngữ, hình ảnh đặc sắc.

- Biện pháp tu từ nhân hóa

- Cách ngắt vần, nhịp phù hợp, độc đáo.

II.LUYỆN ĐỀ

DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Năm câu thơ đầu trong bài thơ “Lời của cây” là lời của ai:

A. Hạt mầm

B. Cây

C. Tác giả

D. Em bé

Câu 2: Tìm quá trình sinh trưởng đúng của hạt thành cây:

A. Hạt ->mầm->chồi->cây

B. Hạt ->chồi->cây->mầm

C. Chồi ->hạt->mầm ->cây

D. Chồi ->cây->hạt->mầm

Câu 3: Khi hạt nảy mầm, tác giả nghe thấy âm thanh gì từ mầm?

A. Bập bẹ

B. Tiếng bàn tay vỗ

C. Tiếng ru hời

D. Thì thầm

Câu 4: Theo bài thơ, mầm kiêng gì?

A. Gió đông

B. Gió nam

C. Gió bắc

D. Gió tây

Câu 5: Khi cây đã thành, tác giả nghe thấy âm thanh gì?

A. Thì thầm

B. Tiếng ru hời

C. Tiếng bàn tay vỗ

D. Bập bẹ

Câu 6: Biện pháp tu từ chủ yếu mà tác giả sử dụng trong bài thơ là:

A. Ẩn dụ

B. Hoán dụ

C. Nhân hóa

D. So sánh

Câu 7: Cách ngắt nhịp chủ yếu, đều đặn trong những dòng thơ, câu thơ là:

A. 2/2

B. 1/3

C. 3/1

D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 8: Khi chưa gieo xuống đất, hạt phát ra âm thanh gì?

A. Bập bẹ

B. Lặng thinh

C. Tiếng ru hời

D. Thì thầm

Câu 9: Khổ cuối là lời của ai?

A. Hạt mầm

B. Cây

C. Tác giả

D. Em bé

10. Theo em, ý chính của bài thơ là gì?

A. Hạt nảy mầm, lớn lên để nghe những bàn tay vỗ và tiếng ru hời

B. Hạt nảy mầm, lớn lên để mở mắt, đón tia nắng hồng

C. Hạt nảy mầm, lớn thành cây để nở vài lá bé và bập bẹ màu xanh

D. Hạt nảy mầm, lớn lên thành cây để góp màu xanh cho đất trời

DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

*GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản: “*Lời của cây*” – Trần Hữu Thung và các đoạn ngữ liệu về thơ bốn chữ ngoài SGK:

Đề số 01: Đọc lại văn bản “*Lời của cây*” (Trần Hữu Thung, sgk, tr.13, 14) và thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của văn bản.

Câu 2. Quá trình nảy mầm và lớn lên của hạt gắn liền với những âm thanh nào?

Câu 3. Trong khổ thơ sau, để miêu tả hạt nảy mầm, tác giả đã sử dụng hình ảnh nào?

Nhận xét về hình ảnh đó:

Khi hạt nảy mầm

Nhú lên giọt sữa

Mầm đã thì thầm

Ghé tai nghe rõ

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của những biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ:

Mầm tròn nằm giữa

Vỏ hạt làm nôi

Nghe bàn tay vỗ

Nghe tiếng ru hời

Câu 5. Nhận xét về nhịp thơ của dòng thơ “*Rằng các bạn ơi*”. Từ đó cho biết qua khổ thơ cuối, tác giả muốn thay mặt cây gửi đến cho chúng ta điều gì?

Câu 6: Viết đoạn văn ngắn (7 - 10 dòng) bày tỏ suy nghĩ về vai trò của cây xanh đối với đời sống con người.

Gợi ý làm bài

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

Thể thơ: Thơ bốn chữ.

Câu 2: Quá trình nảy mầm của hạt gắn liền với những âm thanh: *lặng thinh* (khi hạt chưa gieo xuống đất), *thì thầm* (khi hạt nảy mầm), âm thanh của *bàn tay vỗ*, *tiếng ru hời* (khi nằm trong “nôi” hạt), *bập bẹ* (khi thành cây), âm thanh gọi *bạn ơi* của cây.

Câu 3:

- Để miêu tả hình ảnh hạt nảy mầm, tác giả đã sử dụng hình ảnh “giọt sữa” -> đây là hình ảnh ẩn dụ gợi tả rõ nét màu sắc sinh động, sự khởi đầu căng tràn nhựa sống của hạt mầm bé xiu.
- Hình ảnh ấy thể hiện sự quan sát thiên nhiên qua lăng kính của một đứa trẻ, đem đến sự cảm nhận về thế giới xung quanh thật diệu kì, lạ lẫm

Câu 4: Biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ là:

- So sánh: *vỏ hạt – nôi*

=> Tác dụng:

- + Làm cho việc miêu tả trở nên sinh động và giàu giá trị biểu cảm
- + Hạt mầm bé nhỏ dường như nhận được rất nhiều sự yêu thương từ vạn vật xung quanh. Vỏ hạt nâng niu, cho chở cho hạt mầm bên trong.
- Điệp từ: “*nghe*”, nhân hoá: *mầm - nghe bàn tay vỗ, nghe tiếng ru hời*
=> Tác dụng:

- + Cho thấy sự giao cảm đặc biệt giữa mầm với thế giới xung quanh. Mầm dường như “lắng nghe”, cảm nhận rất rõ sự chờ đợi, vỗ về của đất trời, mọi người dành cho mình nên siêng năng, tích tụ sức sống, chờ ngày mở mắt, đón cuộc sống mới.
- + Câu thơ sinh động, giàu hình ảnh.

Câu 5: Dòng thơ “*Rằng các bạn ơi*” ngắt nhịp 1/3 (khác với cả bài ngắt nhịp 2/2). Tác giả muốn thay mặt cây nhắn gửi đến chúng ta thông điệp mỗi sự vật trên thế giới này đều góp phần làm nên sự sống.

Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

- **Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

- **Nội dung:**

+**MD:** Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: vai trò của cây xanh đối với đời sống con người.

+**TD:** * Vai trò của cây xanh đối với đời sống con người

.) Cây xanh làm sạch khí quyển, điều hòa không khí trên Trái Đất, cung cấp khí ôxi cho con người.

.) Cây xanh lọc sạch bụi bẩn trong không khí, mang đến cho con người một bầu không khí trong sạch, mát mẻ.

.) Cây xanh còn có khả năng chống xói mòn và sạt lở đất nhất là ở các vùng núi, đồi có độ dốc lớn, thường xuyên xảy ra thiên tai, lũ lụt

.) Cây xanh cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc cải tạo đất, làm tơi xốp, giữ độ ẩm vừa đủ cho bề mặt, giữ nước cùng các chất dinh dưỡng khác trong mặt đất.

.) Ngoài ra cây xanh cũng cung cấp cho con người thức ăn, cùng nguồn chất xơ vô cùng phong phú đa dạng.

.) Cây xanh cũng cung cấp một lượng lớn vật liệu như gỗ, tre, nứa cho ngành công nghiệp xây dựng, nội thất và sản xuất giấy viết cho chúng ta sử dụng.

* Bài học – liên hệ:

.) Mỗi cá nhân ngay từ bây giờ hãy có những hành động thiết thực bảo vệ cây xanh, bảo vệ môi trường rừng. Tích cực trồng cây gây rừng.

.)Nhà nước cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về lợi ích của cây xanh, khuyến khích con người trồng cây, cải tạo môi trường sống đồng thời xử lí nghiêm khắc những hành vi vi phạm, tàn phá cây xanh, tàn phá môi trường rừng.

+**KĐ**: Khái quát lại vấn đề nghị luận

ĐỀ ĐỌC HIỂU THƠ BỐN CHỮ NGOÀI SGK

Đề số 02: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

*Lường mẹ còng rồi
Cau thì vẫn thẳng
Cau-ngọn xanh rờn
Mẹ-đầu bạc trắng*

*Cau ngày càng cao
Mẹ ngày một thấp
Cau gần với giời
Mẹ thì gần đất!*

*Ngày con còn bé
Cau mẹ bổ tư⁽¹⁾
Giờ cau bổ tám⁽²⁾
Mẹ còn ngại to!*

*Một miếng cau khô
Khô gầy như mẹ
Con nâng trên tay
Không cầm được lệ*

*Ngẩng hỏi giời vậy
-Sao mẹ ta già?
Không một lời đáp
Mây bay về xa*

(Nguồn: Đỗ Trung Lai, *Đêm sông Cầu*, NXB Quân đội nhân dân, 2003)

Chú thích:

(1),(2) *bổ tư, bổ tám*: bổ quả cau làm bốn miếng, tám miếng.

Câu 1. Bài thơ được làm theo thể thơ gì?

Câu 2. Chỉ ra những đặc điểm vần nhịp của bài thơ.

Câu 3. Trong bài thơ, tác giả dùng hình ảnh gì để đối sánh với mẹ? Theo em, vì sao tác giả dùng hình ảnh đó?

Câu 4. Nêu tác dụng miêu tả, biểu cảm của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong khổ thơ dưới đây:

Một miếng cau khô

Khô gầy như mẹ

Con nâng trên tay

Không cầm được lệ

Câu 5. Xác định chủ đề và thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc

Câu 6. Viết đoạn văn ngắn (7 - 10 dòng) bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của *tình mẫu tử* trong cuộc sống hôm nay?

Gợi ý làm bài

Câu 1: Thể thơ: bốn chữ

Câu 2:

+ **Vần:** Cuối câu, liên tiếp và xen kẽ theo cặp, hoán đổi.

+ **Nhịp điệu:** Chủ yếu ngắt nhịp 2/2 có câu ngắt nhịp 1/3 và 3/1.

Câu 3:

Hình ảnh người mẹ được đối chiếu với hình ảnh cây cau bởi:

+ Cây cau là hình ảnh quen thuộc xuất hiện trong nhiều câu chuyện dân gian, tượng trưng cho tình nghĩa thủy chung của con người Việt Nam.

+ Nó còn gắn với liền với làng quê, với hình ảnh người phụ nữ Việt Nam, các bà các mẹ thường nhai trầu cau. Hình ảnh mẹ được đặt bên cạnh một hình ảnh quen thuộc trong văn hóa Việt Nam.

+ Theo thời gian, cây cau ngày càng phát triển, cao lớn, xanh tốt. Nhưng thời gian cũng rất khắc nghiệt, nó làm mẹ ngày càng già đi.

+ Hình ảnh mẹ và cau được đặt cạnh nhau cho thấy sự đối lập tương phản và nỗi xót xa của người con khi mẹ ngày càng già yếu.

Câu 4:

- Hình ảnh mẹ không được miêu tả trực tiếp theo cách: "Mẹ khô gầy", mà là miêu tả gián tiếp bằng cách so sánh "Một miếng cau khô/Khô gầy như mẹ"

- Tác dụng: So sánh cau với hình ảnh của mẹ như vậy mẹ đã trở thành thước đo của sự "khô gầy" cùng với tính từ "khô gầy" làm lời thơ giàu sức khơi gợi

+ Gợi dáng vẻ già nua, thiếu sức sống của mẹ.

+ Gợi niềm xúc động buồn ngủi, xúc động của con trước hình ảnh người mẹ già có dáng vẻ "khô gầy", dáng vẻ đã già đi nhiều rồi

+ Lời thơ gợi nhiều ý tứ và xúc động nơi trái tim bạn đọc khi nghĩ về mẹ.

Câu 5:

+ Chủ đề: Bài thơ là cảm xúc chân thành với yêu thương, lo lắng, xót xa của con khi đối diện với tuổi già của mẹ, trách hận thời gian.

+ Thông điệp: Kính yêu, biết ơn mẹ; trân trọng, nâng niu thời gian được ở bên cạnh mẹ.

Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

***Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

*** Nội dung:**

-MD: +Giới thiệu về tình mẫu tử

+ Nhấn mạnh tình mẫu tử có vai trò đặc biệt quan trọng

-TD:

+ Giải thích tình mẫu tử: Là thứ tình cảm ruột thịt giữa mẹ và đứa con của mình.

Tình mẫu tử là sự hình thành vô điều kiện của người mẹ dành cho con.

Tình mẫu tử là sự yêu thương và tôn kính của đứa con dành cho người mẹ của mình.

+ **Vai trò tình mẫu tử**

- Tình mẫu tử giúp đời sống tinh thần đầy đủ, ý nghĩa hơn
- Tình mẫu tử bảo vệ đứa con khỏi những cám dỗ của cuộc đời
- Tình mẫu tử là điểm tựa tinh thần và tiếp thêm động lực cho ta mỗi khi gặp khó khăn.
- Niềm tin, động lực và là mục đích sống cho những nỗ lực và sự khát khao của cá nhân.

+Bài học – liên hệ: Giữ gìn tình mẫu tử

- Tôn trọng mẹ và khắc ghi những công ơn sinh thành từ mẹ.
- Hoàn thành tốt công việc và trở thành người có ích cho xã hội.
- Lắng nghe thấu hiểu mẹ và luôn tôn trọng mẹ.

-KĐ: Khẳng định lại vai trò của tình mẫu tử.

Đề số 03: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

MỤC ĐỒNG⁽¹⁾ NGỦ TRÊN CÁT TRẮNG

- Trần Quốc Toàn –

Suốt ngày dài nắng
 Vàng hoe tóc bông⁽²⁾
 Đêm nhóm lửa hồng
 Ấp lưng cát trắng
 Lắng nghe gió thổi
 Thia lia⁽³⁾ sao xa
 Nằm ngâm chân mỗi
 Vào sông Ngân Hà...

Những hạt bắp nướng
 Chín căng giọt sương
 Một hòn than nổ
 Bung vì sao băng
 Ai vùi khoai củ
 Thơm giờ tàn canh
 Tù và⁽⁴⁾ đã rúc
 Đánh thức bình minh
 Dê...

Cừu...

bứt cọng nắng

Kéo ông mặt trời lên.

(In trong báo *Thiếu niên tiền phong*, số 168/2013)

Chú giải:

- (1) *Mục đồng*: trẻ chăn trâu, chăn bò
- (2) *Tóc bông*: tóc ở trạng thái nổi cao lên, phồng cao lên.
- (3) *Thia lia*: liệng cho mảnh sành, mảnh ngói,...bay sát mặt nước và nảy lên nhiều lần.
- (4) *Tù và*: dụng cụ báo hiệu ở nông thôn thời trước, làm bằng sừng trâu, bò hoặc vỏ ốc, dùng hơi để thổi, tiếng vang xa

Câu 1. Bài thơ miêu tả cuộc sống của những chú bé mục đồng trong thời điểm nào? Dựa vào đâu để nhận biết điều đó?.

Câu 2. Bức tranh cuộc sống của mục đồng đã được tác giả miêu tả bằng những hình ảnh nào? Từ đó, em hình dung như thế nào về cuộc sống và tâm hồn của họ

Câu 3. Xác định cách gieo vần và ngắt nhịp của bài thơ?

Câu 4. Tác giả thể hiện tình cảm gì với chú bé mục đồng? Tình cảm đó được thể hiện qua những từ ngữ nào?

Câu 5. Xác định (những) biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ dưới đây và phân tích tác dụng của chúng.

Những hạt bắp nướng
Chín căng giọt sương
Một hòn than nổ
Bung vì sao băng

Câu 6. Qua bài thơ, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?

Câu 7. Viết đoạn văn ngắn (7 – 10 dòng) bày tỏ suy nghĩ về kí ức tuổi thơ đối với mỗi người.

Gợi ý làm bài

Câu 1: Bài thơ miêu tả cuộc sống của những chú bé mục đồng trong thời điểm từ đêm đến bình minh:

+Các từ ngữ, hình ảnh miêu tả đêm: *đêm nhóm lửa hồng, thia lia sao xa...* miêu tả bình minh: *tù và đã rúc, đánh thức bình minh, kéo ông mặt trời lên...*

Câu 2:

-Bức tranh cuộc sống mục đồng đã được tác giả miêu tả bằng những hình ảnh: *dãi nắng, vàng hoe tóc bông, đêm nhóm lửa hồng, nằm nghe gió thổi, thia lia sao xa...*

-Bức tranh đó gợi tả cuộc sống mục đồng vất vả nhưng có những niềm vui bình dị mà không phải ai cũng được hưởng (nằm trên bãi cát, ngắm sao, ăn ngô nướng...)gợi tả tâm hồn đẹp, trí tưởng tượng phong phú của những cậu bé mục đồng.

Câu 3:

-Cách gieo vần: vần chân (vần liền, vần cách), vần chính, vần thông.

-Cách ngắt nhịp: 2/2. Riêng 3 dòng cuối được ngắt dòng đặc biệt và có nhịp đặc biệt:

Dê...

Cừu...

bút cọng nằng

Câu 4:Tác giả thể hiện tình cảm yêu quý chú bé mục đồng. Tình cảm đó được thể hiện gián tiếp qua cách miêu tả cuộc sống của chú bé, qua những câu thơ như: “*Suốt ngày dãi nắng/Vàng hoe tóc bông*”

Câu 5:

-Biện pháp tu từ: so sánh (hạt bắp nướng – chín căng như giọt sương; một hòn than nổ - bung xoè như vì sao băng)

->Tác dụng: Khiến cho việc miêu tả cuộc sống của mục đồng thêm thi vị, khoáng đạt, gần gũi với thiên nhiên dù đậm bạc, đơn sơ, góp phần thể hiện tâm trạng đầy sự hào hứng, thích thú với cuộc dạo chơi giữa thiên nhiên

Câu 6: Thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc là hãy lắng nghe, tận hưởng vẻ đẹp bình dị của thiên nhiên và cuộc sống.

Câu 7. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

*** Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

*** Nội dung:**

- **Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: kí ức tuổi thơ đối với mỗi người.

- **Thân đoạn:**

- Giải thích “Kí ức tuổi thơ”: những kỉ niệm thời thơ ấu khi chúng ta còn bé, vô lo vô nghĩ, hồn nhiên vui chơi tinh nghịch.

- Phân tích:

- Mỗi con người ai cũng có tuổi trẻ, cũng trải qua những năm tháng trẻ con vui tươi, hồn nhiên, những kỉ niệm đó sẽ theo chúng ta đến suốt cuộc đời, góp phần làm hoàn thiện tính cách, lối sống của bản thân sau này.

- Kí ức tuổi thơ có vai trò vô cùng quan trọng đối với mỗi con người, mỗi người đều có những kỉ niệm cho riêng mình.
 - Người không có tuổi thơ, không có kí ức đẹp là những người có tâm hồn nghèo nàn, sau này khi nhìn lại không có gì đáng nhớ tạo ra sự trống rỗng.
- Chứng minh:

- Học sinh tự lấy dẫn chứng về tầm quan trọng của kí ức đối với cuộc sống của con người.
 - Tuy nhiên trong cuộc sống cũng có những kí ức đau buồn của thời trẻ mà con người ta muốn quên đi, nó là vết thương lớn theo ta đến suốt đời. Lại có những người thu mình trong một góc từ nhỏ, ít giao lưu, những người này sẽ có ít kí ức để nhớ về.
- **Kết đoạn:** Khái quát lại vai trò, tầm quan trọng của kí ức tuổi thơ đối với mỗi người; đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân.

DẠNG 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Đề bài: Phân tích bài thơ “Lời của cây” của Trần Hữu Thung

Gợi ý dàn ý

1. Mở bài

- Giới thiệu về tác giả Trần Hữu Thung: Trần Hữu Thung (1923-1999) sinh tại quê gốc Diễn Châu, Nghệ An. Trần Hữu Thung có phong cách một nhà thơ dân gian. Thơ đối với ông, những ngày đầu cầm bút, chỉ là phương tiện công tác, ông viết để ca ngợi chiến công, phổ biến chủ trương chính sách, phản ánh đời sống người nông dân kháng chiến. Lời lẽ mộc mạc, tình cảm thật thà, phổ cập. Trần Hữu Thung không quan tâm lắm đến cái mà bây giờ ta gọi là trữ tình riêng tư. Ông không nói chuyện mình. Không vui buồn chuyện riêng. Đúng hơn lòng ông vui buồn cùng vận nước, tình dân.

- Giới thiệu về bài thơ “Lời của cây”: Bài thơ là tình cảm yêu mến, nâng niu, trân trọng của tác giả đối với mầm cây, vạn vật. Đồng thời nói thay lời của cây về muốn được đóng góp màu xanh cho cuộc sống; khao khát được con người hiểu và giao cảm.

2. Thân bài

2.1. Lời của tác giả (miêu tả, nói thay tâm tình của mầm cây)

* Quá trình sinh trưởng của hạt mầm được tác giả thể hiện giống như quá trình một em bé sơ sinh đang lớn lên được chăm bẵm, nâng niu từng ngày qua những âm thanh, hình ảnh:

- Khi mầm đang là hạt, chưa được gieo xuống đất, đang cầm trong tay mình (khổ 1):
+ Hạt nằm lặng thính.

=> Nghệ thuật nhân hoá, một hạt giống khi chưa được gieo xuống đất nên chưa có dấu hiệu của sự sống, sự im lặng thoáng chút buồn, chút chờ đợi. Bởi vậy, nhà thơ chưa cảm nhận thấy âm thanh sự sống của hạt mầm.

-Khi hạt nảy mầm, sự sống bắt đầu xuất hiện (khổ 2)

+ Hạt nảy mầm - “nhú lên giọt sữa” : Nghệ thuật ẩn dụ, mầm như giọt sữa đang nhú ra khỏi lớp vỏ của hạt tinh khôi, căng mọng, mỡ màng => cảm giác như một thân thể non tơ, cần nâng niu, bảo vệ

+ Mầm “ thì thầm” – tác giả “ghé tai nghe rõ” => Từ sự lặng thinh ở khổ 1, mầm đã cất tiếng thì thầm khiến nhà thơ ghé tai nghe rõ => Lời thì thầm ấy như là hơi thở cuộc sống, như tiếng khóc của em bé khi chào đời, tác giả ghé tai nghe rõ dấu hiệu của sự sống đang tồn tại, phải chăng tiếng thì thầm ấy cũng là lời cảm ơn của hạt mầm đối với người gieo hạt.

-Khi mầm đang lớn dần trong sự nâng niu của hạt (khổ 3)

+ Mầm tròn nằm giữa – vỏ hạt làm nôi => Mầm như một em bé non nớt, đang được bao bọc, che chở trong “vòng tay” của vỏ hạt.

+ Mầm tròn nằm giữa “nôi” - nghe bàn tay vỗ, nghe tiếng ru hời - mầm như em bé đang nằm trong nôi được cưng nựng, âu yếm, vỗ về, hát ru.

-Khi mầm mở mắt (khổ 4):

+ Mầm kiêng gió bắc, mưa giông -> những yếu tố ảnh hưởng không tốt đến sự sống, phát triển của hạt mầm -> tác giả đã rất am hiểu, tránh cho hạt mầm những yếu tố bất lợi đó.

+ Từ đó, hạt mầm mở mắt, đón tia nắng hồng -> quá trình sinh trưởng đầy thử thách nhưng cũng đầy ánh sáng và niềm vui.

- Khi cây đã thành (khổ 5)

+ Nở vài lá bé -> hạt mầm lớn lên, phát triển từng ngày -> xuất hiện “màu xanh”- màu của sự sống, đâm chồi nảy lộc.

+ Màu xanh ấy – bắt đầu “bập bẹ” -> Nghệ thuật nhân hoá. Từ âm thanh thì thầm -> mầm cất lên thành tiếng “bập bẹ” cùng với sự lớn lên của mình => mầm như em bé, đến tuổi tập nói, mang những tiếng bi bô, trù mẩn đến với thế giới này.

=> Nhà thơ quan sát, vỗ về, chăm chút cho hạt mầm như chăm sóc một em bé sơ sinh đang lớn lên từng ngày. Nhà thơ có sự quan sát kĩ càng, tỉ mỉ và chịu khó lắng nghe mới có thể am hiểu quá trình này tường tận như thế. Qua đó, thể hiện cảm xúc yêu thương, trù mẩn, nâng niu của tác giả đối với những mầm cây, sự giao cảm tinh tế của nhà thơ với cảnh vật.

- Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa: Tác giả nhân hóa hạt mầm như một cô bé, cậu bé thì thầm tâm tình với các bạn nhỏ về niềm vui lớn lên từng ngày

-> Tác dụng:

+ Góp phần miêu tả sống động quá trình sinh trưởng từ mầm thành cây.

+ Tạo nên sự gần gũi, gắn bó giữa hạt mầm, cây và con người.

- Cách gieo vần, nhịp trong bài thơ:

+ Vần: vần chân (mình - thình, mầm - thăm, đông - hồng, thành - xanh, bé - be, Ơi - trời)

-> Tác dụng: Làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc; tạo nên sự kết dính trong văn bản, tạo độ ngân vang cho “lời của cây” trong tâm hồn người đọc

+ Nhịp: ~ chủ yếu nhịp 2/2 đều đặn như nhịp đưa nôi, vừa diễn tả nhịp điệu êm đềm của đời sống cây xanh, vừa thể hiện cảm xúc yêu thương, trìu mến của tác giả.

~ Ngoài ra, một số dòng nhịp 1/3 (Nghe/bàn tay vỗ; nghe/tiếng ru hời) -> Mầm như một em bé đang được âu yếm, vỗ về bằng những âm thanh trong cuộc sống.

=> Qua lời của tác giả (miêu tả, tâm tình thay mầm cây), ta thấy sự giao cảm tinh tế của nhà thơ với cảnh vật. Phải là một con người lắng nghe với tất cả trái tim, nhà thơ mới có thể lắng nghe và thấu hiểu những âm thanh bé nhỏ “thì thầm”, “bập bẹ” như thế.

2. 2. Lời của cây (khổ cuối)

Tác giả tiếp tục sử dụng biện pháp nhân hóa:

+ Cách xưng hô tôi - các bạn -> tạo nên mối quan hệ thân thiết giữa cây và con người.

- Cách ngắt nhịp 1/3: Răng/các bạn Ơi -> nhấn mạnh vào khao khát của cây khi cây muốn được con người hiểu và giao cảm.

=> Cây muốn con người hiểu rằng khi lớn lên, cây muốn đóng góp màu xanh của mình vào thiên nhiên, vào mùa xuân cuộc đời để tô thắm thêm cho mùa xuân ấy trở nên đẹp và tươi mới hơn.

* Chủ đề và thông điệp văn bản muốn gửi gắm:

- Chủ đề: Bài thơ thể hiện niềm yêu thương, trân trọng những mầm xanh thiên nhiên.

2.3. Nghệ thuật

- Từ ngữ, hình ảnh đặc sắc.

- Biện pháp tu từ nhân hóa

- Cách ngắt vần, nhịp phù hợp, độc đáo.

2.4. Liên hệ, mở rộng: vai trò của mỗi con người góp phần đóng góp cho sự phát triển của xã hội; việc bảo vệ môi trường thiên nhiên

3. Kết bài

- Khẳng định lại giá trị của bài thơ.
- Bày tỏ suy nghĩ bản thân.

BUỔI 2:

ÔN TẬP VĂN BẢN 2: SANG THU (HỮU THỈNH)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả Hữu Thỉnh

- Nguyễn Hữu Thỉnh (1942). Quê ở Tam Dương- Vĩnh Phúc. Là nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Thơ của Hữu Thỉnh chân thật, cảm xúc tinh tế, có nhiều tìm tòi, suy ngẫm chiêm nghiệm. Ông là nhà thơ viết nhiều và hay về con người, cuộc sống ở nông thôn, về mùa thu.

2. Bài thơ "Sang thu"

a. Hoàn cảnh sáng tác

Bài thơ được in lần đầu năm 1977 trên báo văn nghệ.

b. Xuất xứ

- Bài thơ được rút từ tập thơ “Từ chiến hào đến thành phố”(1991)

c. Thể loại, bố cục:

- Thể thơ: năm chữ.
- Bố cục: 3 phần - ứng với mỗi khổ thơ:
 - + Khổ 1: Tín hiệu mùa thu
 - + Khổ 2: Quang cảnh đất trời sang thu
 - + Khổ 3: Sự thay đổi âm thầm trong lòng cảnh vật

e. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật

*Giá trị nghệ thuật:

- Thể thơ năm chữ, âm điệu nhẹ nhàng, tha thiết.
- Từ ngữ giàu hình ảnh gợi cảm.

- Nhân hoá ẩn dụ liên tưởng.

***Giá trị nội dung:**

- Những cảm nhận tinh tế của nhà thơ về vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa.

- Qua đó bộc lộ tình yêu thiên nhiên tha thiết, sự quan tâm đến cuộc sống con người, đất nước của nhà thơ

II. LUYỆN TẬP

DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM: Chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1: Cách ngắt nhịp chủ yếu của bài thơ *Sang Thu*:

A. 2/3

B. 3/2

C. 1/4

D. 4/1

Câu 2: Bài thơ tả cảnh thiên nhiên vào thời điểm nào?

A. Giao mùa

B. Giữa mùa

C. Cuối mùa

D. Không có thời điểm cụ thể

Câu 3: Hình ảnh sang thu nào được tác giả nhắc đến đầu tiên trong bài thơ?

A. Sương

B. Đám mây

C. Nắng

D. Hương ổi

Câu 4: Bài thơ *Sang thu* thuộc thể thơ nào sau đây?

A. Bốn chữ

B. Thơ tự do

C. Năm chữ

D. Thơ Đường Luật

Câu 5: Từ “**bỗng**” ở đầu khổ 1 thể hiện cảm xúc gì của nhân vật trữ tình:

A. Vui sướng, hạnh phúc

B. Ngỡ ngàng, ngạc nhiên

C. Buồn bực, chán nản

D. Tức giận, thất vọng

Câu 6: Câu “*Sương chùng chình qua ngõ*” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

A. Ẩn dụ

B. So sánh

C. Nhân hoá

D. Hoán dụ

Câu 7: Từ diễn tả tâm trạng của nhà thơ qua câu: “*Hình như thu đã về*” là “mơ hồ” đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 8: Biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong bài thơ?

A. Đảo ngữ

B. Nhân hóa

C. So sánh

D. Hoán dụ

DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Đề số 01: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

(Trích *Sang thu*, Hữu Thỉnh, in trong “*Từ chiến hào đến thành phố*”, NXB Văn học, 1991)

Câu 1. Xác định thể thơ và cách ngắt nhịp của đoạn thơ trên .

Câu 2. Xác định nội dung của đoạn thơ. Em hiểu gì về nhan đề bài thơ?

Câu 3. Nhà thơ nhận ra tín hiệu của sự chuyển mùa qua dấu hiệu nào và bằng những giác quan nào?

Câu 4. Tại sao ở đây tác giả không dùng từ “bay”, “toả” mà lại dùng “phả”?

Câu 5. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu 3.

Câu 6.Trước sự giao mùa của đất trời, nhà thơ Hữu Thỉnh đã bộc lộ tâm trạng gì? Tâm trạng ấy được thể hiện qua những từ ngữ nào?

Câu 7. Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) nêu cảm nhận của em về một buổi sáng mùa thu ở quê em

Gợi ý làm bài

Câu 1:

- Thể thơ: năm chữ
- Cách ngắt nhịp: 3 câu đầu ngắt nhịp 3/2; câu cuối 2/3

Câu 2:

- Khổ 1:Tín hiệu báo thu về.
- Nhan đề: “sang thu” – khoảnh khắc giao mùa từ cuối hạ sáng đầu thu.

Câu 3:

- Nhà thơ nhận ra tín hiệu của sự chuyển mùa qua các dấu hiệu: hương ổi, gió se, sương chùng chình qua ngõ.
- Bằng các giác quan: khứu giác, xúc giác, thị giác

Câu 4: Không thể thay từ “phả” bằng từ “bay”, “tỏa” bởi vì:

- “Phả”: động từ có nghĩa là tỏa vào, trộn lẫn -> gợi mùi hương ổi ở độ đậm nhất, thơm nồng quyến rũ, hoà vào trong gió heo may choán lấy tâm trí của con người, lan toả khắp không gian.
 - “bay”, “tỏa” sẽ gợi ra sự lan tỏa, chuyển động về mùi hương trong không gian, hương ổi sẽ không thể kích thích và gây được ấn tượng mạnh với người cảm nhận.
- => Tác giả muốn gây ấn tượng mạnh với người đọc về sự tập trung khi cảm nhận hương vị đặc trưng của mùa thu.

Câu 5:

- Biện pháp nhân hóa: Sương - chùng chình
- > Tác dụng: Nghệ thuật nhân hóa, kết hợp với từ láy gợi hình, diễn tả hình ảnh dòng sông êm đềm lững lờ trôi như lắng lại phù sa, khác với hình ảnh dòng sông mùa hạ giông bão; làm câu thơ giàu hình ảnh, tăng sức diễn đạt.

Câu 6.Trước khoảnh khắc giao mùa nhà thơ thốt lên :

"Hình như thu đã về".

+ “Hình như”: thể hiện sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên trước vẻ đẹp mơ màng, quyến rũ của thiên nhiên. -> Phù hợp để diễn tả cảm nhận mơ hồ lúc giao mùa.

Câu 7: Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

*** Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành

*** Nội dung:**

- **Mở đoạn:** Nêu cảm xúc khi thức dậy và thấy đất trời sang thu.

- **Thân đoạn :**

+ Miêu tả quang cảnh: Không khí, sương, hơi lạnh, mặt trời, những ngôi nhà, cây cối, đường phố,...

+ Miêu tả hoạt động của con người: Học sinh nô nức trở lại trường sau một kì nghỉ hè dài, những xe bán hàng rong, xe đạp, xe máy dần nườm nượp; tiếng nói cười của các ông, các bà đi bộ tập thể dục.

- **Kết đoạn:** Nêu cảm nghĩ của em về quê hương em ở vào buổi sáng mùa thu

Đề số 02: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi bên dưới:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu*

*Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.*

(*Sang thu*, Hữu Thỉnh, in trong “*Từ chiến hào đến thành phố*”, NXB Văn học, 1991)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ.

Câu 2: Chỉ ra từ đồng nghĩa trong bài thơ trên. Theo em, cách tác giả sử dụng chúng trong bài thơ có giống nhau không? Hãy chỉ rõ.

Câu 3: Hai từ “dềnh dàng” và cụm từ “bắt đầu vội vã” trong đoạn thơ vừa chép có ý nghĩa gì trong việc thể hiện dụng ý nghệ thuật của nhà thơ?

Câu 4: Hãy phân tích nội dung và nghệ thuật của hai câu thơ:

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

Câu 5: Có ý người cho rằng hình ảnh “sấm” và “hàng cây đứng tuổi” là hình ảnh ẩn dụ. Em có đồng ý với ý kiến đó không, tại sao?

Câu 7. Từ bài sang thu, em hãy viết đoạn văn (khoảng 7 – 10 dòng) nêu cảm nhận của em về hình ảnh thiên nhiên và con người lúc giao mùa từ hè sang thu ở quê em.

Gợi ý làm bài

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

Câu 2:

- Hai từ đồng nghĩa là "chùng chình" và "dềnh dàng".
- Theo em, cách tác giả sử dụng chúng trong bài thơ có ý nghĩa giống nhau ở chỗ: cùng sử dụng nghệ thuật nhân hóa, cùng diễn tả sự chuyển biến thông thả, chậm rãi của sự vật.

Câu 3:

Hai từ “dềnh dàng” và cụm từ “bắt đầu vội vã” trong đoạn thơ vừa chép có ý nghĩa trong việc thể hiện dụng ý nghệ thuật của nhà thơ là:

- Từ “dềnh dàng” và “cụm từ “bắt đầu vội vã” gợi ra hai trạng thái đối lập của sự vật, hiện tượng.

Sông dềnh dàng: gợi hình ảnh dòng sông chậm chậm, lững lờ trôi, giống bước đi của thời gian và của khoảnh khắc giao mùa thanh tao, nhẹ nhàng.

“Bắt đầu vội vã” là hình ảnh những đàn chim bắt đầu tìm cho mình cuộc sống ấm áp, để chịu hơn, tránh đi sự se lạnh của mùa mới đang tới gần.

Câu 4:

Hai câu thơ cuối khổ thơ thứ hai của bài "Sang thu" gợi ra sự tưởng tượng đầy chất thơ, đúng như sự nhẹ nhàng, mềm mại của mùa thu.

- “*Có đám mây mùa hạ. Vắt nửa mình sang thu*”-> Gợi hình ảnh một làn mây mỏng, nhẹ, kéo dài của mùa hạ còn sót lại như lưu luyến. Không phải vẻ đẹp của mùa hạ cũng chưa hẳn là vẻ đẹp của mùa thu mà đó là vẻ đẹp của thời khắc giao mùa được sáng tạo từ một hồn thơ tinh tế và nhạy cảm đang say thời khắc giao mùa này.

- Nghệ thuật nhân hóa giúp ta hình dung đám mây mùa hạ đang có sự biến đổi, để bước sang mùa mới. Hình ảnh đám mây hiền lành, lặng lẽ nhưng như vẫn còn nhiều sự tiếc nuối, lưu luyến chưa muốn rời.

Câu 5:

Sấm và hình ảnh hàng cây đứng tuổi ở đây chính là hình ảnh ẩn dụ, chứa đựng suy nghĩ và triết lý về con người và cuộc đời.

- Hình ảnh ẩn dụ "sấm":

- Nghĩa thực: hiện tượng tự nhiên của thời tiết. -> Hình ảnh thực của tự nhiên sang thu sấm thừa thốt, không còn dữ dội làm lay động hàng cây nữa.
- Nghĩa ẩn dụ: Những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời

- Hình ảnh ẩn dụ “*Hàng cây đứng tuổi*”

- Nghĩa thực: hình ảnh tả thực của tự nhiên về những cây cổ thụ lâu năm.
- Nghĩa ẩn dụ: thế hệ những con người từng trải đã từng vượt qua những khó khăn, những thăng trầm của cuộc đời.

=> Cả hai câu thơ: “*Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi*” để nói về lắng đọng rất suất để nhận ra xao động mơ hồ huyền ảo của thiên nhiên và những sự xôn xao, băng khuâng sâu lắng con người. Hai câu thơ cuối nói về hình ảnh con người trải qua biến cố thử thách sẽ có kinh nghiệm, trở nên hiểu mình, hiểu người và hiểu đời hơn.

Câu 6:

* **Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành

* **Nội dung:**

- **Mở đoạn:** cảm nhận về hình ảnh thiên nhiên trong khoảnh khắc từ hè sang thu ở quê em

- **Thân đoạn:**

+ **Cảm nghĩ về thiên nhiên:**

.) Nêu các dấu hiệu giao mùa (Ví dụ mùa hè sang mùa thu: khí trời mát mẻ, ban đêm trời se lạnh không đủ rét để mặc một chiếc áo mùa đông nhưng lạnh – đủ để người ta cảm thấy rùng mình, hoa cúc trong các vườn đua nhau nở, sen trong các ao úa tàn...).

.)Cảm giác của bản thân trước các dấu hiệu chuyển mùa của thiên nhiên (vui, buồn, nhớ nhung về một kỉ niệm tuổi thơ...).

+ **Cảm nghĩ về đời sống con người:**

.) Nhịp điệu cuộc sống thay đổi ra sao? (ồn ã, sôi động hay tẻ nhạt).

.)Con người: Vui tươi, phấn khởi, hào hứng đợi chờ (sang xuân) hay thu mình lại, buồn hơn, suy tư hơn (thu sang đông)...

- **Kết đoạn:** Tóm lại, khoảnh khắc giao mùa là những đợt “trở mình” đầy chờ mong của trời đất.

ĐỌC HIỂU THƠ NĂM CHỮ NGOÀI SGK

Đề số 03: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ⁽¹⁾ già

Bày mực tàu⁽²⁾ giấy đỏ

Bên phố đông người qua

Bao nhiêu người thuê viết

Tấm tắc⁽³⁾ ngợi khen tài

Hoa tay⁽⁴⁾ thảo⁽⁵⁾ những nét

Như phượng múa rồng bay

(Trích [bài thơ Ông đồ](#), Vũ Đình Liên 1936, trích trong *Thi nhân Việt Nam* –Hoài Thanh, Hoài Chân, NXB Văn học, Hà Nội, 2012)

Chú thích:

- Ông đồ: thầy dạy học chữ Nho ngày xưa
- Mực tàu: thỏi mực đen mài với nước làm mực để viết chữ Hán, chữ Nôm hoặc để vẽ bằng bút lông.
- Tấm tắc: luôn nói ra những tiếng tỏ ý khen ngợi, khâm phục
- Hoa tay: đường vân xoáy tròn ở đầu ngón tay, được coi là dấu hiệu của tài hoa
- Thảo: viết tháu, viết nhanh (nghĩa trong bài thơ)

Câu 1. Chỉ ra thể loại và phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên

Câu 2. Khái quát nội dung chính của đoạn thơ

Câu 3. Hai chữ "mỗi", "lại" được nhắc đến trong khổ thơ thể hiện điều gì?

Câu 4. Hiểu ý nghĩa từ "thảo" trong đoạn thơ trên như thế nào?

Câu 5. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong 2 câu thơ:

"Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay"

Câu 6. Cho câu chủ đề sau: "Đoạn thơ là hình ảnh ông đồ những ngày huy hoàng, đặc ý". Em hãy viết đoạn văn theo cấu trúc diễn dịch khoảng 8 câu làm sáng tỏ câu chủ đề trên.

Gợi ý làm bài

Câu 1. Chỉ ra thể loại và phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên

- Thể loại: Thơ năm chữ
- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Câu 2. Khái quát nội dung chính của đoạn thơ: Mỗi khi Tết đến xuân về, ông đồ được mọi người chờ mong, chào đón và ngưỡng mộ, ngợi khen tài hoa viết câu đối.

Câu 3. Hai chữ "mỗi", "lại" được nhắc đến trong khổ thơ:

- Thể hiện sự xuất hiện đều đặn, tuần hoàn của ông đồ vào mỗi dịp tết đến, xuân về: Cứ đến những ngày sát tết cổ truyền, ông đồ lại xuất hiện để viết câu đối, treo tết.
- Thể hiện thái độ mọi người chờ mong ông và reo vui, hò hởi, chào đón sự xuất hiện của ông.

Câu 4. Hiểu ý nghĩa từ "thảo" trong đoạn thơ trên như thế nào?

- "Thảo" : Mang ý nghĩa là viết ra, chỉ nét nọ liền nét kia, viết nhanh, ý chỉ hành động viết điêu luyện, nghệ thuật.

Câu 5. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong 2 câu thơ: "Hoa tay thảo những nét / Như phượng múa rồng bay" là:

- Phép hoán dụ: Hoa tay (chỉ tài năng, sự khéo léo, điêu luyện của ông đồ)
 - Biện pháp tu từ So sánh (hoa tay thảo - phượng múa rồng bay)
- (thành ngữ "phượng múa rồng bay" -> không phải là biện pháp tu từ)

- > tác dụng:

+ Gây ấn tượng, làm nổi bật vẻ đẹp trong nét chữ của ông: Rất đẹp, mềm mại, uốn lượn, bay bổng, phóng khoáng, sống động, có hồn.

+ Làm nổi bật tài năng viết chữ rất nhanh, rất đẹp, điêu luyện, của ông đồ.

=> Với bút pháp miêu tả tinh tế, ngôn ngữ điêu luyện, trong hai câu thơ, tác giả như khắc họa trước mắt người đọc hình ảnh của ông đồ với đôi bàn tay già, gầy => khẳng định ông đồ như một người nghệ sĩ tài hoa trước công chúng.

Câu 7. Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

- **Hình thức:**Đủ số câu (khoảng 7 – 9 câu), đúng cấu trúc diễn dịch.

- **Nội dung:** làm sáng tỏ câu chủ đề HS sử dụng câu chủ đề và triển khai theo nội dung đã được trình bày trong đoạn thơ.

+ Ông đồ là trung tâm của không gian ngày Tết nơi phố phường “Bao nhiêu ...”

+ Ông được mọi người ngưỡng mộ, tôn vinh.

+ Ông được trổ tài trong sự thăng hoa, trong niềm vui của người được bảo tồn một mỹ tục.

+ Nghệ thuật so sánh đẹp, giàu giá trị tạo hình => Gợi tả nét chữ mềm mại, phóng khoáng, có hồn => *Ngợi ca ông đồ, một tài năng nghệ thuật.*

Đề số 04: Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

VỀ MÙA XOÀI MẸ THÍCH

*Quả xoài xưa Mẹ thích
cứ gọi mãi trong con
cái hương thơm chín nức
cái quả bé tròn tròn.*

*Khi cây xoài trước ngõ
lấp ló trái vàng hoe
đủ nhắc cho con nhớ
mùa hạ đã gần về.*

*Cầm quả xoài của Mẹ
cầm cả mùa trên tay
cắn miếng xoài ngọt lịm
vị đầu lưỡi thơm hoài.*

Vô tình hay hữu ý
xoài mang hình quả tim?
Riêng con thì con nghĩ
đấy - lòng Mẹ ngọt mềm.

Tóc xoã rồi tóc búi
một đời Mẹ thắt chiu
xoài non rồi chín tới
quả lủng lẳng cành treo.

Nghe hương xoài bay theo
từng bước chân của Mẹ
thơm lựng vào lời kể
những câu chuyện đời xưa.

Ngõ hạt mưa đầu mùa
là hột xoài trong suốt
nhìn vỏ xoài Mẹ gọt
con gọi: cánh hoàng lan...

Ngõ như cả mùa vàng
nằm trong bàn tay mẹ
trộn một đời thơ bé
uớp lẫn với hương xoài.

Nhưng rồi có một ngày
trái xoài già rụng cuống...

Tháng hạ không đến sớm
dù cho quả xoài vàng
tháng hạ không đến muộn
đủ nhắc con mùa sang.

Ngào ngạt khắp không gian
hương xoài xưa Mẹ thích.

(In trong *Mùa hạ trong thi ca*, Tuyển thơ nhiều tác giả, NXB Hội nhà văn,
2007)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Bài thơ được làm theo thể gì?

Câu 2. Chỉ ra những đặc điểm vần, nhịp của bài thơ?

Câu 3. Tìm một số từ ngữ, hình ảnh miêu tả “quả xoài của mẹ” qua cách nhìn, cách cảm của người con. Nhận xét về điểm chung của những từ ngữ, hình ảnh ấy. Cách miêu tả như vậy có tác dụng gì?

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nghệ thuật trong đoạn thơ sau:

*Nhưng rồi có một ngày
trái xoài già rụng cuống...*

*Tháng hạ không đến sớm
dù cho quả xoài vàng
tháng hạ không đến muộn
đủ nhắc con mùa sang.*

Câu 5. Hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào trong văn bản. Xác định chủ đề và thông điệp văn bản muốn gửi đến người đọc

Câu 6. Viết đoạn văn 7 – 10 dòng bày tỏ suy nghĩ của mình: *Vì sao trong cuộc sống cần có lòng hiếu thảo?*

Gợi ý làm bài

Câu 1: Thể thơ: năm chữ

Câu 2: Đặc điểm vần, nhịp của bài thơ “Về mùa xoài Mẹ thích”:

- Vần: vần chân (con – tròn; ý – nghĩ; mẹ - bé; vàng – sang_
- Nhịp: ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3

Câu 3:

- Một số từ ngữ miêu tả hình ảnh quả xoài của mẹ qua cách nhìn, cách cảm của người con: *hương thơm chín nức, quả bé tròn tròn, ngọt lịm, xoài mang hình quả tim, hạt xoài trong suốt – hạt mưa đầu mùa, vỏ xoài – cánh hoàng lan.* Tất cả các hình ảnh ấy đều đẹp đẽ và ngọt ngào.
- Tác dụng: + Góp phần khắc hoạ hình ảnh mộc mạc, thân thương của “quả xoài xưa mẹ thích”
- + Tất cả những hình ảnh ấy được hiện lên qua sự hoài niệm ngọt ngào của người con. Điều đó cho thấy những gì thuộc về mẹ là một vùng kí ức ngọt ngào, thiêng liêng đối với tác giả. Qua đó, người đọc cũng cảm nhận được những tình cảm yêu thương, trân quý của một đứa con giành cho mẹ

Câu 4: Hình ảnh “*trái xoài già rụng cuống*” là hình ảnh ẩn dụ gợi liên tưởng sự ra đi

của mẹ, Hình ảnh trai xoài ấy gắn liền với những kí ức ngọt ngào về mẹ. Vì vậy khi sử dụng hình ảnh ấy để diễn tả sự ra đi của mẹ, tác giả đem đến cho người đọc sự hình dung rõ nét về nỗi đau, niềm tiếc thương và cả sự hụt hẫng, mất mát những kí ức đẹp của chính bản thân mình.

Câu 5: Hình ảnh người mẹ hiền hậu, dịu dàng, lam lũ cả đời, chẳng chịu khó nhọc vì con và đặc biệt là rất gần gũi, yêu thương con cái. Điều đó, được tác giả thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh như: “*Xoài mang hình quả tim – Đấy lòng mẹ ngọt mềm*”, “*Nghe hương xoài bay theo/Từng bước chân của mẹ/Thơm lừng vào lời kể/Những câu chuyện đời xưa*”,...

Câu 6: Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

***Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

***Nội dung:**

-Giải thích: Lòng hiếu thảo là gì?

+ Đối xử và chăm sóc tốt cha mẹ của mình.

+ Hành động yêu thương, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ khi già yếu và thờ phụng sau khi họ qua đời.

- Bàn luận: Vì sao sống phải có lòng hiếu thảo?

+ Ông bà cha mẹ là những người sinh thành và nuôi dưỡng ta khôn lớn, luôn dành cho ta những điều tốt đẹp nhất trên đời này.

+ Lòng hiếu thảo là chuẩn mực trong đời sống văn hóa Việt Nam.

+ Người có lòng hiếu thảo được mọi người trân trọng, yêu mến.

+ Giá trị của một người con được nhìn nhận không phải ở sự giàu sang, quyền quý mà nó được thể hiện qua chữ “hiếu”.

+ Lòng hiếu thảo giúp gắn kết các thế hệ trong gia đình.

- Mở rộng

- Trong xã hội còn nhiều người sống bất hiếu, vô lễ, đánh đập đối xử tàn nhẫn, bỏ rơi cha mẹ già. Họ thể hiện một lối sống vô ơn, một nhân cách kém cỏi.

⇒ Những người như thế thật đáng chê trách.

- Bài học nhận thức và hành động

- Sống phải có lòng hiếu thảo.

- Thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà cha mẹ ngay từ hôm nay.

DẠNG 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Đề bài: Phân tích bài thơ *Sang thu* của tác giả Hữu Thỉnh

I. Mở bài

- Trình bày những nét tiêu biểu về tác giả Hữu Thỉnh: Nguyễn Hữu Thỉnh (1942), là nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Thơ của Hữu Thỉnh chân thật, cảm xúc tinh tế, có nhiều tìm tòi, suy ngẫm chiêm nghiệm. Ông là nhà thơ viết nhiều và hay về con người, cuộc sống ở nông thôn, về mùa thu. Thơ của Hữu Thỉnh chân thật, cảm xúc tinh tế, có nhiều tìm tòi, suy ngẫm chiêm nghiệm. Nhiều vần thơ của ông mang cảm xúc băng khuâng, vẫn vương trước đất trời đang chuyển biến nhẹ nhàng.
- Giới thiệu bài thơ *Sang thu*: Bài thơ là những cảm nhận tinh tế của nhà thơ về vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa. Qua đó bộc lộ tình yêu thiên nhiên tha thiết, sự quan tâm đến cuộc sống con người, đất nước của nhà thơ.

II. Thân bài

1. Khổ 1: Tín hiệu báo thu về

- Tín hiệu của sự chuyển mùa bình dị gần gũi: từ ngọn gió se mang theo hương ổi.
- + Từ « Bỗng »: được đặt ở đầu câu thơ diễn tả cảm giác đột ngột, bất ngờ đến ngỡ ngàng của nhà thơ
- + Tín hiệu mùa thu được cảm nhận bằng khứu giác. Hương ổi : là hương vị đặc trưng của làng quê khi thu về.
- + Động từ “phả” : bốc mạnh, tỏa ra thành luồng -> diễn tả mùi hương ổi nồng nàn, lan tỏa
- Cảm nhận của xúc giác: Làn gió heo may mang theo cái se se lạnh, mang đến không khí điển hình của mùa thu.
- => Nhận ra trong gió se có hương ổi là cảm nhận rất tinh tế của người sống giữa đồng quê.
- Cảm nhận bằng thị giác qua hình ảnh ‘Sương chùng chình qua ngõ’
- + “chùng chình” : Từ láy gợi hình diễn tả làn sương chuyển động chậm chậm trong đường thôn, ngõ xóm.
- + Nhân hóa: sương qua ngõ: cố ý chậm lại, lưu luyến, có cái duyên dáng yếu điệu tạo nên sự mơ hồ,朦胧 lung, làm toát lên thần thái của mùa thu
- + Qua ngõ: Gợi liên tưởng đến những đường làng, ngõ xóm hay là cửa ngõ thời gian giữa hai mùa.
- Trước khoảnh khắc giao mùa nhà thơ thốt lên :
"Hình như thu đã về".

+ “*Hình như*”: thể hiện sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên trước vẻ đẹp mơ màng, quyến rũ của thiên nhiên. -> Phù hợp để diễn tả cảm nhận mơ hồ lúc giao mùa.

- Bức tranh sang thu được nhà thơ cảm nhận bằng những gì vô hình (hương ổi), cái mờ ảo (màn sương) và không gian hẹp (ngõ).

=> **Bằng các giác quan: khứu giác, xúc giác và thị giác, nhà thơ cảm nhận sự biến đổi của đất trời lúc sang thu bằng một tâm hồn tinh tế, gắn bó với cuộc sống làng quê**

2. Khổ 2: Quang cảnh đất trời sang thu

- Sông lúc vào thu không còn chảy dữ dội như những ngày hè mà “*dềnh dàng*”, êm ả.

+ Từ láy “*dềnh dàng*” và phép nhân hoá gợi lên dáng vẻ khoan thai, thông thả của dòng sông mùa thu, khiến con sông sống trở nên gần gũi với con người.

+ Dòng sông vừa *dềnh dàng* chảy vừa như lắng lại trong ngẫm ngợi, suy tư.

- **Đối lập với hình ảnh dòng sông là hình ảnh : *Chim bắt đầu vội vã***

+ Nhân hóa: Chim bay đi tránh rét ở những miền ấm áp hơn.

+ Bắt đầu: gợi sự cảm nhận tinh tế

-> Sự trái chiều của thiên nhiên tạo nên sự khác biệt của vạn vật trong khoảnh khắc giao mùa.

- **Hình ảnh : *đám mây màu hạ vắt nửa mình sang thu***

+ Là một liên tưởng sáng tạo thú vị của tác giả.

+ Đám mây mềm mại, duyên dáng kéo dài trên bầu trời cao rộng, trong trẻo.

+ Từ “*vắt*”: được dùng rất độc đáo vừa gợi sự uyển chuyển nhịp nhàng vừa tinh

+ Cách viết “*vắt nửa mình*” diễn tả thật tinh tế sự chuyển động của thời gian.

+ Nghệ thuật nhân hóa gợi hình ảnh đám mây có sự uyển chuyển, duyên dáng, tinh nghịch.

=> *Bức tranh thiên nhiên sang thu đẹp, quyến rũ.*

c. Khổ 3: Những suy nghĩ, triết lí về cuộc đời và con người

- **Những biến chuyển của thiên nhiên:**

+ *Nắng* (vẫn còn): nắng dịu dần không còn cái chói chang gay gắt dữ dội.

+ *Mưa* (đã vơi dần): Mưa ít dần đi đặc biệt là những cơn mưa rào ào ạt bất ngờ.

+ *Sấm* (bớt bất ngờ): sấm ít hơn, nhỏ hơn

+ *Các từ*: vẫn còn, bao nhiêu, vơi, bớt: Là từ chỉ mức độ được sắp xếp theo trình tự giảm dần -> Dấu hiệu mùa hạ vơi dần.

- **Hai câu thơ cuối có hai tầng ý nghĩa:**

+ *Nghĩa thực*: Lúc sang thu, đã bớt đi những tiếng sấm bất ngờ. Hàng cây lâu năm không còn bị giật mình, nghiêng ngả bởi sấm chớp, mưa gió nữa.

+ *Nghĩa ẩn dụ*: Sấm chỉ những biến động bất thường

những thử thách trong cuộc đời con người; hàng cây đứng tuổi chỉ con người đã từng trải, đã đến tuổi xế chiều.

=> **Ý nghĩa triết lý:** Khi con người đã từng trải thì cũng vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.

*** Nghệ thuật**

- Thể thơ năm chữ, âm điệu nhẹ nhàng, tha thiết.
- Từ ngữ giàu hình ảnh gợi cảm.
- Nhân hoá ẩn dụ liên tưởng.

*** Liên hệ, mở rộng:** Yêu mến trân trọng khoảnh khắc của thiên nhiên, đời người

III. Kết bài

- Khẳng định lại giá trị của bài thơ.
- Bày tỏ suy nghĩ bản thân.

ÔN TẬP VĂN BẢN 3: ÔNG MỘT

- Vũ Hùng -

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả Vũ Hùng

a. Cuộc đời

- Lê Vũ Hùng sinh ngày 21 tháng 12 năm 1952 tại xã Nhơn Ái, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (ngày nay thuộc huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ) trong một gia đình cán bộ kháng chiến chống Pháp.
- Trước năm 1975, là một thanh niên cần cù, hiếu học, ông đã vượt mọi khó khăn, học tập và trở thành một nhà giáo.
- Sau năm 1975, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng của Đảng và nhà nước.
- Các tác phẩm chính: *Người quản tượng và con voi chiến sĩ, Bầy voi đen, Con culi của tôi, Những kẻ lưu lạc, Vườn Chi,...*

=> Vũ Hùng có một tình yêu thiên nhiên vô hạn. Các tác phẩm của ông đa số đều viết về thiên nhiên và ẩn sau đó là những bài học cuộc đời.

2. Văn bản “Ông Một”

- **Xuất xứ:** Văn bản được trích trong “Phía Tây Trường Sơn”, in trong tập “Những truyện hay viết cho thiếu nhi” - Vũ Hùng (Nxb Kim Đồng - 2020).

- **Tóm tắt văn bản:** Ông Cao đã kể cho ba chiến sĩ nghe về con voi và người quản tượng. Lúc đầu, con voi buồn bã vì nhớ ông đề đốc Lê Trực. Ông quản tượng quyết định chăm sóc nó cẩn thận và sau đó thả nó về rừng. Sau khi được thả về rừng, hàng năm con

voi vẫn quay lại thăm người quản tượng và dân làng. Người quản tượng và dân làng đều yêu quý con voi. Khi người quản tượng mất, con voi vẫn trở làng và lặng lẽ hơn trước.

- **Nhan đề:** “*Ông Một*” là tên con voi mà đề đốc Lê Trực tặng cho người quản tượng.

- **Bố cục:** 2 phần.

+ **Phần 1** (từ đầu đến “thả cho nó đi”): Cuộc sống của con voi khi ở cùng người quản tượng

+ **Phần 2** (còn lại): Con voi quay lại thăm người quản tượng và dân làng sau khi được thả về rừng.

-**Đặc sắc nội dung và nghệ thuật:**

***Nghệ thuật :**

- Ngôn từ trong sáng, bình dị, gần gũi với cuộc sống đời thường.

- Lối viết hấp dẫn, thú vị

=> nhà văn chuyên viết truyện cho thiếu nhi.

***Nội dung:**Đoạn trích trên giúp người đọc hiểu về mối quan hệ gắn bó, khăng khít như tình cảm ruột thịt giữa con người với thế giới tự nhiên

II. LUYỆN ĐỀ

DẠNG 1. THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Đề bài: Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Từ ngày rời căn cứ, coi voi trở nên ỉu rũ. Nó nhớ ông đề đốc, nhớ đời chiến trận, nhớ rừng và gầy rạc đi vì cuộc sống tù túng dưới làng. Nó vẫn giúp người quản tượng phá rẫy, kéo gỗ, nhưng chỉ khuây khoả những lúc làm việc rồi lại đứng buồn thiu. Có bận nó bỏ ăn, không đụng vòi đến một ngọn mía, một sợi cỏ.

Người quản tượng hiểu lòng con voi. Nó là nguồn an ủi của ông lúc sa cơ. Ông chưa từng sống với ai lâu như sống với nó. Ông quen nó quá, khó xa rời nó được. Vậy mà ông vẫn quyết định thả nó về rừng, nơi nó ra đời.

- Một mình ta chịu tù túng đủ rồi - Người quản tượng thường tự bảo – Còn nó, nó phải được tự do.

Người quản tượng đình ninh lúc gặp thời vận. Đề đốc Lê Trực sẽ lại dấy quân, lúc đó ông sẽ đón con voi về. Ông để con vật nghỉ hết vụ hè, vỗ cho nó ăn. Ngày nào ông cũng cho nó ăn thêm hai vác mía to. Ông coi con voi như con em trong nhà, giục giã nó:

- Ăn cố đi, ăn cho khoẻ, lấy sức mà về. Rừng già xa lắm, phải có sức mới đi tới nơi. Bao giờ chủ tướng dẫn quân, lúc đó ta sẽ đón em trở lại.

Con voi đã cố ăn suốt mùa hè nhưng sang đến mùa thu thì không chịu ăn nữa. Trời thu yên tĩnh, gió rì rào đưa về làng hương vị của rừng xa. Con vật cứ vờn vờ đón gió và buồn bã rống gọi. Nó héo hon đi như chiếc lá già.

Người quản tượng biết gió thu nổi lên làm con voi nhớ rừng. Ông quyết định thả ngay cho nó đi

(Trích văn bản “Ông Một”, SGK ngữ văn 7, tập một, chân trời sáng tạo)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Nội dung của đoạn trích?

Câu 3. Từ “quản tượng” nghĩa là gì?

Câu 4. Những chi tiết, hình ảnh nào thể hiện tình cảm của “ông Một” đối với đề đốc Lê Trực?

Câu 5. Vì sao người quản tượng hiểu con voi, gần bó và không xa rời nó được nhưng vẫn quyết định thả nó về rừng ?

Câu 6. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 3 - 5 câu) nêu cảm nhận của em về một con vật mà em yêu quý.

Gợi ý làm bài

Câu 1. Phương thức biểu đạt: Tự sự

Câu 2: Nội dung: Cuộc sống của con voi khi ở cùng người quản tượng (trước khi nó về rừng)

Câu 3: “Quản tượng” – người trông nom và điều khiển voi.

Câu 4: Những chi tiết, hình ảnh nào thể hiện tình cảm của “ông Một” đối với đề đốc Lê Trực

+ Từ ngày rời căn cứ, con voi trở nên ủ rũ.

+ Nó nhớ Đô đốc, nhớ chiến tranh, nhớ rừng, gầy rộc đi vì cuộc sống chật chội nơi làng quê.

+ Bận bịu bỏ bữa, không đụng đến một cọng mía, ngọn cỏ.

Câu 5: Ông hiểu con voi, gần bó và không xa rời nó được nhưng vẫn quyết định thả nó về rừng => hiểu và thỏa mãn sự khao khát của Ông Một chứ không đơn thuần thỏa mãn mong muốn của bản thân; ông biết con vật nhớ rừng vì là nơi nó sinh ra, hơn nữa ông

cũng hiểu một loài động vật hoang dã không thể chấp nhận cuộc sống tù túng mãi như vậy.

Câu 6: Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

- **Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

- **Nội dung:** giới thiệu con vật, đặc điểm, thói quen sinh hoạt của con vật, tình cảm của người viết với con vật,...

DẠNG 2: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Đề bài 1: Phân tích văn bản “Ông Một” (Vũ Hùng).

Gợi ý dàn ý

I. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Khái quát nội dung của tác phẩm

II. Thân bài:

1. Tình cảm của con voi đối với đề đốc Lê Trực, với rừng, với người quân tử:

- Tình cảm của “Ông Một” đối với đề đốc Lê Trực:

- + Con voi đã gắn bó với đề đốc Lê Trực trong những năm tháng chiến đấu.
 - + Từ ngày rời căn cứ, con voi trở nên ủ rũ, nhớ ông đề đốc, nhớ chiến trận, nhớ rừng
- => Tình cảm như với một “cố nhân”.

- Tình cảm của “Ông Một” với rừng núi:

- + Con voi nhớ rừng => con voi gầy rạc hẳn đi, có bận bỏ ăn, không đụng đến một ngọn mía, một sợi cỏ, ngoài lúc làm việc mặt lúc nào cũng buồn thiu.
 - + Cố ăn suốt mùa hè, lấy sức trở về rừng.
 - + Sang đến mùa thu, không chịu ăn nữa, con vật vươn vòi đón gió và buồn bã rống gọi - > héo hon như chiếc lá già.
- ⇒ Dù được yêu thương, che chở nhưng bản năng hoang dã, tự nhiên luôn trỗi dậy, con voi khao khát được trở về rừng.

- Tình cảm của “Ông Một” đối với người quân tử:

- + Dù buồn rầu vì nhớ rừng, nhớ ông đề đốc nhưng con voi vẫn giúp người quản tượng phá rẫy, kéo gỗ.
 - + Nghe theo lời người quản tượng, cố ăn để lấy sức về rừng.
 - + Khi được thả về rừng, hàng năm khi sang thu nó lại xuống làng, theo người quản tượng về mái nhà cũ, quỳ ở giữa sân; nó lưu lại nhà quản tượng vài hôm, giúp ông đủ thứ việc: ra sông lấy nước, lấy vôi quắp những cây gỗ mang về.
 - + Khi ông quản tượng qua đời -> con voi trở về làng, nó tự rảo bước về nhà, quỳ xuống giữa sân, rống gọi, rên rỉ mãi->lông chạy vào nhà, hít hơi cái giường cũ của người quản tượng rồi buồn bã chạy đi tìm chủ, không buồn ăn mía mà các bò lão mang đến.
 - + Một năm, con voi lại xuống làng, nó lặng lẽ, đảo qua nhà người quản tượng, tha thân đi trong sân, vừa tung vôi hít ngửi vừa khe khẽ rên rỉ rồi âm thầm bỏ đi
- ⇒ Dù không cất tiếng nói của con người nhưng bằng loạt hành động, âm thanh trên đã cho chúng ta thấy “Ông Một” có tình cảm thâm thiết, sâu nặng với đề đốc Lê Trực, núi rừng và người quản tượng – những con gắn bó, yêu thương, che chở nó. Qua đó, ta có thể thấy sự thấu hiểu của Vũ Hùng với các loài vật nói chung và loài voi nói riêng: chúng có tâm hồn, tính cách riêng, đặc biệt loài voi là loài to lớn nhưng rất thông minh và tình cảm.

2. Tình cảm của người quản tượng và dân làng dành cho “Ông Một”.

- Ông hiểu con voi, gắn bó và không xa rời nó được nhưng vẫn quyết định thả nó về rừng => hiểu và thỏa mãn sự khao khát của Ông Một chứ không đơn thuần thỏa mãn mong muốn của bản thân.
 - + Ông để con vật nghỉ vụ hè, vỗ cho nó ăn bằng hai vác mía to, hai thùng cháo mỗi ngày để con voi có sức khỏe mà về rừng => sự quan tâm ân cần, chu đáo.
 - + Thấy con voi quá nhớ rừng, ông quyết định thả ngay cho nó đi.
 - + Mỗi khi con trai quay trở lại thăm ông và thăm làng, ông ra tận đầu làng đón, dẫn nó đi tắm, hơn hờ đưa nó đi nướng, thết đãi nó những bữa no nê.
- ⇒ Người quản tượng gắn bó với con voi hơn cả mối quan hệ của chủ với loài vật. Đường như ông lắng nghe, thấu hiểu, yêu thương, chiều chuộng con voi như đứa con yêu dấu của mình.

- Dân làng cũng có tình cảm đặc biệt với con voi: Khi “Ông Một” quay trở về thăm làng, người làng nô nức cùng người quản tượng đi đón tận đầu làng, lũ trẻ xúm xít dưới chân coi voi, các bà lão đem đến cho nó đủ thứ quà

Qua câu chuyện “Ông Một”, chúng ta càng thấm thía hơn mối quan hệ giữa con người và thế giới tự nhiên. Tuy không cùng tiếng nói nhưng có chung tiếng lòng. Con voi thông minh, thấu hiểu tiếng người, biết trân quý tình cảm tình cảm của người quản tượng và dân làng dành cho nó. Con người chịu khó lắng nghe, thấu hiểu tâm tình của con voi nói riêng và loài vật nói riêng. Giữa con người và thế giới tự nhiên luôn có một sợi dây vô hình gắn kết.

III. Kết bài

- Tổng kết lại nội dung và nghệ thuật
- Liên hệ: việc bảo vệ các loài động vật.

ÔN TẬP VĂN BẢN 4: CON CHIM CHIÈN CHIỆN (HUY CẬN)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả Huy Cận

- Huy Cận (1919- 2005), tên khai sinh : Cù Huy Cận.
- Quê: làng Ân Phú –Hương Sơn –Hà Tĩnh một trong những nhà thơ xuất sắc của phong trào Thơ Mới..
- Sau Cách mạng tháng 8, thơ Huy Cận mới mẻ, vui tươi và tràn đầy sức sống.

2. Bài thơ *Con chim chiền chiện* (Huy Cận)

a. Thể thơ: Thơ bốn chữ

b. Đặc điểm nổi bật về nội dung và nghệ thuật

- + Nội dung: Bài thơ là một tiếng reo vui khi mùa xuân về. Con chim chiền chiện hót vang báo xuân về, khiến cả đất trời cũng vui vẻ, bừng sáng.
- + Nghệ thuật: Thể thơ bốn chữ với lối viết giản dị, mộc mạc, gần gũi cùng các biện pháp tu từ nhân hóa, từ láy, ẩn dụ,...

c. Bố cục: Bài thơ gồm 7 khổ thơ.

II. LUYỆN ĐỀ

DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Bài thơ “con chim chiền chiện” do ai sáng tác:

- A. Hữu Thỉnh
- B. Thanh Hải
- C. Xuân Diệu

D. Huy Cận

Câu 2: Bài thơ “Con chim chiền chiện” thuộc thể thơ gì:

A. Bốn chữ

B. Năm chữ

C. Bảy chữ

D. Thơ tự do

Câu 3: Tiếng chim chiền chiện trong cảm nhận của tác giả mang cảm xúc gì?

A. Buồn chán, thất vọng

B. Ngạc nhiên, ngỡ ngàng

C. Vui tươi, phấn khởi

D. Tức bực, ồn ào,

Câu 4: Câu thơ “*Tiếng ngọc trong veo/Chim gieo từng chuỗi*” sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. ẩn dụ, nhân hoá

B. so sánh, điệp vần

C. hoán dụ, so sánh

D. nói quá, ẩn dụ

Câu 5: Không gian xuất hiện tiếng chim trong khổ đầu là?

A. Đồng quê

B. Cao rộng

C. nhỏ hẹp

D. Bờ sông

Câu 6: Đặc điểm nào đúng về thơ Huy Cận sau Cách mạng:

A. Buồn bực, chán nản

B. Bế tắc, thất vọng

C. Mới mẻ, vui tươi

D. Hoang mang, lo lắng

Câu 7: Cách ngắt nhịp chủ yếu, đều đặn trong những dòng thơ, câu thơ là:

A. 2/2

B. 1/3

C. 3/1

D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 8: Con chim chiền chiện còn có tên gọi khác là gì?

A. Chim sẻ

B. Sẻn ca

C. Chim hoạ mi

D. Tu hú

Câu 9. Trong bài đọc “Con chim chiền chiện”, câu thơ nào nói tới tâm trạng của con chim chiền chiện?

A. Lòng chim vui nhiều

B. Chim bay, chim sà

C. Chim biến mất rồi

D. Bay vút, vút cao

Câu 10. Trong khổ thơ 6, tiếng hót của chim chiền chiện có tác dụng gì?

A. Làm xanh da trời

B. Khiến cây lúa trở bông

C. Gọi bình minh tới

D. Làm vạn vật thức giấc

DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

*GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản: “*Con chim chiền chiện*” – Huy Cận và các đoạn ngữ liệu về thơ bốn chữ ngoài SGK:

Đề số 01: Đọc lại văn bản “*Con chim chiền chiện*” (Huy Cận, sgk, tr.21, 22) và thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của văn bản.

Câu 2. Những câu thơ nào vẽ lên hình ảnh con chim chiền chiện bay lượn giữa không gian cao rộng?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong những câu thơ sau:

Tiếng ngọc trong veo

Chim gieo từng chuỗi

Câu 4. Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện cảm xúc của tác giả. Đó là cảm xúc gì?

Câu 5. Chủ đề và thông điệp tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ?

Câu 6: Viết đoạn văn ngắn (7 - 10 dòng) bày tỏ suy nghĩ về những việc cần làm để bảo vệ môi trường thiên nhiên

Gợi ý làm bài

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

Thể thơ: Thơ bốn chữ.

Câu 2: Những câu thơ vẽ lên hình ảnh con chim chiền chiện bay lượn giữa không gian cao rộng:

+ Bay vút, vút cao

+ Cánh đập trời xanh

+ Cao hoài, cao vợi

+ Bay cao, cao vút

Chim biến mất rồi

Câu 3:

+ Nghệ thuật ẩn dụ “Tiếng ngọc trong veo”: ẩn dụ cho tiếng hót của chim

->Tác dụng: nhấn mạnh âm thanh trong trẻo của chim; làm câu văn giàu hình ảnh.

+ Nhân hoá : “chim gieo”

->Con chim như tạo ra những chuỗi ngọc dài, thánh thót nối tiếp nhau.

Câu 4: Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện cảm xúc của tác giả:

+ Lòng đầy yêu mến -> quý mến, yêu thích tiếng chim hót.

+ Lòng vui bối rối -> Cảm xúc vui sướng trong lòng tác giả khiến ông bối rối

+Tưng bừng lòng ta ->Cảm giác tung bừng, háo hức khi nghe tiếng chim hót trở lại vào sáng sớm

Câu 5: Chủ đề và thông điệp văn bản muốn gửi gắm:

- **Chủ đề:** Bài thơ thể hiện tiếng chim chiền chiện trong trẻo, vui tươi. Từ đó làm đất trời, thiên nhiên, con người vui tươi, bừng sáng.

- **Thông điệp:** Con người cần giao hòa với thiên nhiên để cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, đồng thời thu nhận những cảm xúc mà thiên nhiên đem đến cho con người.

Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

- **Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

- **Nội dung:**

+ Thiên nhiên là môi trường sống của con người. Hiện nay môi trường thiên nhiên đang dần bị ô nhiễm nghiêm trọng, chủ yếu do hoạt động của con người.

+ Để bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống đòi hỏi toàn xã hội và nhất là mỗi người chúng ta phải nâng cao nhận thức để cùng hiểu biết về môi trường sống xung quanh mình.

+ Không làm ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến thiên nhiên: hạn chế tối đa việc sử dụng túi nilon. Mỗi nhà nên phân loại rác, đối với những rác thải như chai nhựa, giấy, túi nilon..., gom lại bán phế liệu để tái sử dụng

+ Không chặt phá rừng, đốt rừng làm rẫy; tích cực trồng cây gây rừng.

+ Cần thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc: không săn bắt động vật quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng; không khai thác, đánh bắt cá và thủy sản bằng xung điện vì sẽ làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên.; tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt,...

+ Lên án, phê phán những trường hợp không biết giữ gìn và bảo vệ môi trường thiên nhiên.

+ Bảo vệ môi trường thiên nhiên là nhiệm vụ, trách nhiệm chung của tất cả mọi người để cuộc sống của con người và muôn loài được bền vững.

ĐỀ ĐỌC HIỂU THƠ BỐN CHỮ NGOÀI SGK

Đề số 02: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

*Ngày Huế đổ máu⁽¹⁾
Chú Hà Nội về
Tình cờ chú cháu
Gặp nhau Hàng Bè⁽²⁾.*

*Chú bé loắt choắt
Cái xắc⁽³⁾ xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh*

*Ca lô⁽⁴⁾ đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng...*

(Trích bài thơ *Lượm*, Thơ Tố Hữu, NXB Giáo dục, 1995)

Chú thích:

(1)*Ngày Huế đổ máu*: Ngày ở Huế bắt đầu cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp khi chúng quay trở lại xâm lược (1947)

(2)*Hàng Bè*: tên một đường phố ở thành phố Huế

(3)*Xắc*: chỉ cái túi bằng vải (hoặc da) dày, có một cái quai đeo ở bên người, dùng để đựng sổ sách, giấy tờ.

(4)*Ca lô*: loại mũ mềm, bằng vải, không có vành, nhọn hai đầu, phía trên bóp lại

Câu 1. Đoạn thơ trên viết theo thể thơ nào? Nêu ngắn gọn điểm của thể thơ đó.

Câu 2. Giải nghĩa từ “loắt choắt”.

Câu 3. Theo em, trong đoạn thơ trên, nhân vật chú bé có những đặc điểm gì?

Câu 4. Hãy chỉ ra các từ láy có trong đoạn thơ trên và nêu tác dụng trong việc miêu tả nhân vật?

Câu 5. Xác định lỗi sai trong câu văn: *Chú bé, người chiến sĩ nhỏ tuổi đã anh dũng hi sinh trong khi làm nhiệm vụ liên lạc*

Câu 6. Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong đoạn thơ trên.

Câu 7. Từ tấm gương người anh hùng nhỏ tuổi được nhắc đến ở đoạn thơ trên, **em hãy** viết đoạn văn ngắn (7 - 10 dòng) bày tỏ suy nghĩ về vai trò và trách nhiệm của thế hệ trẻ trên bước đường xây dựng đất nước

Gợi ý làm bài

Câu 1.

- Thể thơ: bốn chữ

- Đặc điểm: 4 tiếng/ câu; ngắt nhịp 2/2; vần chân, vần lưng, gieo vần liền, vần cách

Câu 2: “loắt choắt”: dáng nhỏ bé, nhanh nhẹn

Câu 3. Nhân vật chú bé có những đặc điểm: nhỏ bé, nhanh nhẹn, vui tươi.

Câu 4. Các từ láy: loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh

- Tác dụng:

+ Góp phần khắc hoạ hình ảnh chú bé Lượm – một em bé liên lạc hồn nhiên, vui tươi, say mê tham gia công tác kháng chiến, thật đáng mến, đáng yêu.

+ Thể hiện niềm yêu mến, trân trọng của nhà thơ với người chiến sĩ nhỏ.

Câu 5.

– Lỗi sai: thiếu vị ngữ

- Cách sửa: thêm vị ngữ.

Gợi ý: + *Chú bé là người chiến sĩ nhỏ tuổi đã anh dũng hi sinh trong khi làm nhiệm vụ liên lạc.*

+ *Chú bé, người chiến sĩ nhỏ tuổi đã anh dũng hi sinh trong khi làm nhiệm vụ liên lạc, thật đáng khâm phục.*

Câu 6.

*Phép tu từ hoán dụ “đổ máu” – chỉ chiến tranh (lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật).

- Tác dụng: + Nhấn mạnh nỗi đau thương mà chiến tranh gây ra cho con người, cụ thể ở đây là nhân dân xứ Huế.

+ Cách nói giàu hình ảnh, gợi cảm xúc.

*Phép so sánh: chú bé – con chim chích

- Tác dụng: Miêu tả sinh động vẻ đẹp hồn nhiên, vô tư, nhí nhảnh của chú bé Lượm. Qua đó thể hiện tình cảm yêu mến của nhà thơ dành cho chú bé.

Câu 7.

- **Hình thức:** Đủ dung lượng (khoảng 7 – 10 dòng), hình thức của 1 đoạn văn.

- **Nội dung:** + Thế hệ trẻ có vai trò quan trọng trên con đường xây dựng và bảo vệ đất nước

+ Một số việc cần làm: Học tập tốt; tích cực tham gia xây dựng đất nước; quảng bá hình ảnh Việt Nam với bạn bè quốc tế.

DẠNG 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Đề bài: Phân tích bài thơ *Con chim chiền chiện* của tác giả Huy Cận

Gợi ý:

I. Mở bài

- Trình bày những nét tiêu biểu về tác giả Huy Cận.
- Giới thiệu bài thơ *Con chim chiền chiện*.

II. Thân bài

1. Khố 1

- Hình ảnh con chim chiền chiện: Điệp từ “cao vút, vút cao”: Từ chỉ độ cao => Con chim chiền chiện đang bay vút trên trời cao -> toả tiếng ca của mình xuống dưới không gian rộng lớn.

- Tình cảm của tác giả thể hiện qua cụm từ “lòng đầy yêu mến”, cảm nhận tiếng hát ngọt ngào của chim chiền chiện qua biện pháp ẩn dụ “Khúc hát ngọt ngào” => Tiếng chim chiền chiện ngọt ngào tác động đến lòng người hay vì lòng người yêu mến nên cảm nhận tiếng chim như khúc hát ngọt ngào

=> Sự giao cảm giữa thiên nhiên và con người

2. Khố 2

- Biện pháp nghệ thuật:

+ Điệp từ: “cao hoài, cao vợi” => Tiếp tục diễn tả độ cao => Tiếng hót của chim lan toả trong không gian rộng lớn.

+ So sánh “Tiếng hót long lanh – Cành sương chói”

⇒ Tiếng chim chiền chiện trong trẻo, thánh thót giữa bầu trời xanh, như tiếng gieo vui vào lòng người.

3. Khố 3

- Nhà thơ trực tiếp bộc lộ nỗi lòng của mình, cất tiếng hỏi chim:

“Chim ơi, chim ơi
Chuyện chi, chuyện chi?”

⇒ Nhà thơ háo hức, muốn hoà vào niềm vui cùng chim chiền chiện

- Tình cảm của tác giả: “lòng vui bối rối”=> Cảm xúc vui sướng gieo vui trong lòng tác giả khiến ông bối rối.

4. Khố 4

- Hình ảnh độc đáo nhất về chim chiền chiện trong bài thơ:

+ Nghệ thuật ẩn dụ “Tiếng ngọc trong veo”: ẩn dụ cho tiếng chim trong trẻo. Không những vậy, người đọc còn hình dung ra đây là những chuỗi ngọc dài, thánh thót nối tiếp nhau qua cụm từ “gieo từng chuỗi”.

+ Nghệ thuật nhân hoá: Lòng chim vui nhiều khiến chim hát không biết mỏi => Niềm vui của chim hay chính là niềm vui trong lòng người.

5. Khố 5

- Hình ảnh chim chiền chiện từ không gian cao rộng bay lượn xuống gần hơn, hoà lẫn cùng với các hình ảnh thiên nhiên:

+ Tiếng chim hoà vào cánh đồng lúa với những bông lúa căng tròn bụng sữa => báo hiệu một mùa màng bội thu.

⇒ Tiếng gieo vui của chim hoà quyện tiếng gieo vui của thiên nhiên, của con người.

6. Khố 6

- Lặp lại điệp từ “cao vút, vút cao” -> Chim chiền chiện trở về không gian cao rộng nhưng khác với khổ đầu, hình ảnh chim biến mất, chỉ còn lại tiếng hót giữa bầu trời xanh, lan toả không gian.

- Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “Tiếng chim hót – làm xanh da trời” -> chuyển đổi từ thính giác sang thị giác, tiếng hót thánh thót của chim làm nền trời trong xanh hơn

7. Khổ 7

- Hình ảnh con chim chiền chiện hót thể hiện hồn quê hương, thể hiện tâm hồn cuộc sống.
- Tình cảm của nhà thơ: Tiếng chim hót trở lại -> trong lòng vui sướng, từng bừng “từng bừng lòng ta”
=> Với việc sử dụng vần chân (cao – ngào, xanh – lanh, nhịp thơ 2/2, tạo nên nhịp điệu vui nhộn, hào hứng của; giống như tiếng hót thánh thót của chim cũng có lúc bổng lúc trầm.

* Chủ đề và thông điệp văn bản muốn gửi gắm:

- **Chủ đề:** Bài thơ thể hiện tiếng chim chiền chiện trong trẻo, vui tươi. Từ đó làm đất trời, thiên nhiên, con người vui tươi, bừng sáng.
- **Thông điệp:** Con người cần giao hòa với thiên nhiên để cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, đồng thời thu nhận những cảm xúc mà thiên nhiên đem đến cho con người.

* Nghệ thuật

- Thể thơ bốn chữ, âm điệu vui tươi, hào hứng.
- Từ ngữ giàu hình ảnh gợi cảm.
- Nhân hoá ẩn dụ liên tưởng.

* **Liên hệ, mở rộng:** Yêu mến trân trọng khoảnh khắc của thiên nhiên, đời người

III. Kết bài

- Khẳng định lại giá trị của bài thơ.
- Bày tỏ suy nghĩ bản thân.

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT: THỰC HÀNH VỀ PHÓ TỪ

IÀ M

I. NHẮC LẠI LÝ THUYẾT: Nhắc lại kiến thức về phó từ:

Yêu cầu: Hoàn thành những thông tin về phó từ vào bảng sau:

Phó từ	Những thông tin cần lưu ý
Vị trí trong câu	
Chức năng	

Lưu ý khi sử dụng trong giao tiếp	
--	--

Gợi ý:

Phó từ	Những thông tin cần lưu ý
Vị trí trong câu	Đi kèm trước danh từ hoặc đi kèm trước/sau động từ, tính từ
Chức năng	- Khi đứng trước DT, phó từ bổ sung ý nghĩa số lượng cho DT. - Khi đứng trước ĐT/TT, phó từ thường bổ sung cho hành động, trạng thái, tính chất được nêu ở ĐT, TT một số ý nghĩa như: chỉ quan hệ thời gian, chỉ sự tiếp diễn tương tự, chỉ sự phủ định, chỉ sự cầu khiến,... - Khi đứng sau ĐT/TT, phó từ thường bổ sung cho ĐT, TT một số ý nghĩa như: mức độ, khả năng, kết quả và phương hướng, chỉ sự phối hợp, cách thức,...
Lưu ý khi sử dụng trong giao tiếp	- Khi nói và viết nên dùng: + Phó từ ở trước DT để làm cho sự vật, hiện tượng được nêu ở DT trở nên rõ nghĩa về số lượng. + Phó từ ở trước hoặc sau ĐT/TT để làm cho hành động, trạng thái, tính chất được nêu ở ĐT/TT trở nên rõ nghĩa. ->Đó cũng là cách mở rộng thành phần chính của câu, làm cho thông tin của câu trở nên rõ ràng, cụ thể, chi tiết. - Khi đọc và nghe, cần chú ý sự xuất hiện của các phó từ ở trước DT, trước/ sau ĐT, TT vì các phó từ ấy có thể biểu hiện ý nghĩa bổ sung cho nội dung thông tin về sự vật, sự việc, hiện tượng được nêu ở DT hoặc hành động, trạng thái tính chất được nêu ở ĐT, TT

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

DẠNG 1. TRẮC NGHIỆM: Em hãy lựa chọn một đáp án đúng nhất:

Câu 1. Phó từ là gì?

A. Là những từ chuyên đi kèm với danh từ động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ

- B. Là những từ chuyên đi kèm phụ sau danh từ, bổ sung ý nghĩa cho danh từ
- C. Là những từ có chức năng như thành phần trung tâm của cụm từ danh từ
- D. Không xác định

Câu 2. Câu nào dưới đây có sử dụng phó từ?

A. Mùa hè sắp đến gần.

B. Mặt em bé tròn như trăng rằm.

C. Da chị ấy mịn như nhung

D. Chân anh ta dài lêu nghêu.

Câu 3: Phó từ gồm mấy loại

A. 2 loại

B. 3 loại

C. 4 loại

D. 5 loại

(3 loại: đứng trước danh từ, trước ĐT/TT, sau ĐT/TT)

Câu 4: Phó từ đứng sau động từ thường bổ sung ý nghĩa về?

A. Mức độ

B. Khả năng

C. Kết quả và hướng

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 5: Phó từ trong câu: “Nó đang lồm lũi bước qua đồng tro tàn trong trận cháy hôm qua nhanh nhanh chút gì đó còn sót lại cho bữa tối.” là gì?

A. Đang

B. Bữa tối

C. Tro tàn

D. Đó

Câu 6. Phó từ đứng trước động từ, tính từ **không** bổ sung cho động từ, tính từ nghĩa gì?

A. Quan hệ, thời gian, mức độ

B. Sự tiếp diễn tương tự

C. Sự phủ định, cầu khiến

D. Quan hệ trật tự

Câu 7:Cho đoạn văn sau: Những người con gái Hoa kiều bán hàng xở lời, những người Chà Châu Giang bán vải, những bà cụ già người Miên bán rượu, với đủ các giọng nói lúi lỏu, đủ kiểu ăn vận sắc sỡ, đã điểm tô cho Năm Căn một màu sắc độc đáo hơn tất cả các xóm chợ vùng rừng Cà Mau.

Đoạn văn trên có mấy phó từ?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

(2 phó từ: những, đã)

Câu 8. Phó từ thường bổ sung ý nghĩa liên quan đến hành động, trạng thái, đặc điểm, tính chất nêu ở động từ hoặc tính từ trên phương diện?

A. Quan hệ thời gian, mức độ

B. Sự tiếp diễn tương tự

C. Sự phủ định

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 9. Câu “Em xin vái cả sáu tay. Anh đừng trêu vào...Anh phải sợ...” không có phó từ, đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

(Phó từ “đừng” có trong câu trên)

Câu 10. Tìm phó từ trong câu: “Chỉ một chốc sau, chúng tôi đã đến ngã ba sông, chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến tận những làng xa tít.”

A. Đã, những

B. Chung

C. Là

D. Không có phó từ

DẠNG 2: TỰ LUẬN

Bài tập 1: Xác định phó từ và chức năng của phó từ trong đoạn trích sau:

"Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua".

(Tô Hoài)

Gợi ý làm bài

Các phó từ và chức năng của phó từ:

- *Lắm*: bổ sung ý nghĩa *mức độ* cho tính từ “*lớn*”.
- *Đã*: bổ sung ý nghĩa *quan hệ thời gian* cho động từ “*trở thành*”.
- *Những*: bổ sung ý nghĩa về *số lượng* cho danh từ “*cái vuốt*”.
- *Cứ*: bổ sung ý nghĩa *tiếp diễn tương tự* cho tính từ “*cứng*”.

Bài tập 2: Xác định các phó từ trong những câu sau đây :

a) *Đêm khuya cháu vẫn cứ thõn thức không sao ngủ được.*

b) *Em ăn ngay đi cho kịp giờ lên lớp.*

c) *Bạn Lan đi ra cổng từ lúc nãy.*

d) *Ô vẫn còn đây, của các em*

Chồng thư mới mở, Bác đang xem.

(Tố Hữu)

Gợi ý làm bài

Các phó từ và chức năng của phó từ:

a, “*vẫn cứ*” biểu thị ý nghĩa *tiếp diễn tương tự* cho động từ “*thõn thức*”

b, “*ngay*” biểu thị ý nghĩa *chỉ cách thức* cho động từ “*ngay*”.

c, “ra” biểu thị ý nghĩa chỉ kết quả và phương hướng cho động từ “đi”

d, “mới” biểu thị ý nghĩa thời gian cho động từ “mở”

“đang” biểu thị ý nghĩa thời gian cho động từ “xem.

Bài tập 3: Xác định phó từ và chức năng của phó từ trong những đoạn văn sau:

a, Thế là mùa xuân mong ước đã đến. Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng, hoa huệ sức nức. Trong không khí không còn ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo mà bây giờ đầy hương thơm và ánh sáng mặt trời. Cây hồng bì đã cởi bỏ hết những cái áo lá già đen thui. Các cành cây đều lấp lăm lấp lăm màu xanh. Những cành xoan khẳng khiu đương trở lá lại sắp buông toả ra những tàn hoa sang sáng, tím tím. Ngoài kia, rừng rậm bụi cũng sắp có nụ.

Mùa xuân xinh đẹp đã về! Thế là các bạn chim đi tránh rét cũng sắp về

b, Quả nhiên con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt thán phục của sứ giả nước láng giềng.

(Em bé thông minh)

Gợi ý làm bài

a, Các phó từ và chức năng

– đã đến, đã cởi bỏ, đã về, đương trở (bổ sung quan hệ thời gian)

— cũng sắp về, cũng sắp có, lại sắp buông toả

(cũng, lại: bổ sung quan hệ tiếp diễn tương tự; sắp : bổ sung quan hệ thời gian)

— đều lấp lăm

(bổ sung quan hệ tiếp diễn tương tự)

— buông toả ra

(bổ sung quan hệ kết quả và hướng)

— không còn ngửi

(không : bổ sung quan hệ phủ định – còn : bổ sung quan hệ tiếp diễn tương tự).

b) Các phó từ và chức năng:

— đã xâu

(bổ sung quan hệ thời gian)

– xâu được

(bổ sung quan hệ kết quả).

Bài tập 4:

a. Đặt câu có phó từ đứng trước danh từ.

b) Đặt hai câu có phó từ đứng trước và hai câu có phó từ đứng sau động từ hoặc tính từ.

c) Đặt ba câu có hai phó từ đi liền nhau trước động từ.

Gợi ý làm bài

a, Hai câu có phó từ đứng trước danh từ:

Mỗi bạn trong lớp có một cá tính riêng.

*Tôi luôn trân trọng **những** ngày tháng được học tập và rèn luyện dưới mái trường này.*

b, - Hai câu có phó từ đứng trước ĐT/TT:

*Ngoài vẽ tranh, tôi **cũng** viết truyện.*

*Bộ váy này **rất** đẹp!*

- Hai câu có phó từ đứng sau ĐT/TT:

*Bạn ấy viết văn hay **lắm**.*

*Tôi nghĩ mình sẽ làm **được**.*

c, Ba câu có hai phó từ đi liền trước động từ:

*Chúng ta **đã không** hoàn thành nhiệm vụ.*

*Các bài văn của tôi **chưa được** điểm nào cao.*

*Hình ảnh **vẫn có thể** chỉnh sửa.*

Bài tập 5: Tìm 6 phó từ lần lượt điền vào chỗ trống trong câu: “Để Mèn...kiêu căng, hống hách.” để có sáu câu văn khác nhau. Chỉ ra sự khác nhau về nội dung của những câu trên. Từ đó, rút ra kinh nghiệm gì khi dùng phó từ?

Gợi ý làm bài

Có thể dùng các từ : *rất, vẫn, đã, không, cứ, sẽ*

-> Mỗi từ đem đến cho câu một ý nghĩa khác nhau:

- “rất” -> mức độ kiêu căng, hống hách rất cao.

- “vẫn” -> tính cách kiêu căng vẫn tiếp diễn, không sửa chữa.

- “đã” -> chỉ thời gian tính cách đã xảy ra

- “không” -> chỉ ý nghĩa phủ định

- “cứ” -> chỉ tiếp diễn.

- “sẽ” -> chỉ thời gian.

Lưu ý khi dùng phó từ (xem lại bảng trên)

Bài tập 6: Viết đoạn văn chủ đề tự chọn có sử dụng phó từ.

Gợi ý làm bài

Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại nhất của dân tộc ta. Bác đã tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc ta, rồi từ đó, nhân dân ta đòi lại được tự do. Người đã là tấm gương cho tất cả mọi người. Người không chỉ là một vị lãnh tụ mà còn rất tình cảm với dân nhân. Người sống giản dị nhưng vẫn một lòng với đất nước. Người có nhân cách đẹp và tài năng sáng chói. Người sẽ mãi tồn tại với nhân dân ta như một vì sao sáng nhất trên bầu trời.

Bài tập 7:

- Đọc lại các đoạn văn, các bài làm văn của anh (chị) đã viết trong các tiết ôn tập trước, hãy xác định phó từ và chức năng nếu có (nếu có).
- Sưu tầm các trường hợp vi phạm lỗi dùng phó từ trong một số văn bản báo chí. Phân tích lỗi sai và đưa ra phương án sửa chữa.

ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:

LÀM BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ; VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ

I. NHẮC LẠI LÍ THUYẾT

1. Các bước viết một bài thơ bốn chữ, năm chữ

a. Bước 1: Chuẩn bị

- Tìm đề tài
 - Xác định mục đích viết: thể hiện cảm xúc trước những sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên hoặc cuộc sống.
 - Đối tượng tiềm năng (thầy, cô, bạn bè,...)
- => Lựa chọn nội dung và cách viết phù hợp

b. Bước 2: Tìm ý tưởng cho bài thơ

c. Bước 3: Làm thơ

- + Thể hiện những cảm xúc ẩn tượng bằng những từ ngữ thích hợp.
- + Chọn những từ ngữ gợi tả âm thanh, mùi vị, màu sắc,...

- + Dùng các biện pháp tu từ như nhân hoá, so sánh, ẩn dụ, điệp từ, điệp ngữ,... để tăng hiệu quả thể hiện của bài thơ.
- + Thay thế những từ ngữ đã viết bằng những từ ngữ khác có vần giống hoặc gần nhau để gieo vần cho bài thơ.
- + Ngắt nhịp ở vị trí thích hợp, đảm bảo thể hiện hiệu quả ý tưởng của em.
- + Đọc diễn cảm các câu thơ đã viết, lắng nghe xem giọng điệu phù hợp với cảm xúc em muốn thể hiện hay không.

d. Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ

- Đọc lại bài thơ bằng giọng điệu phù hợp. Sau đó dùng bảng kiểm đánh giá nội dung và hình thức của bài thơ
- Sau khi kiểm tra xong, tiếp tục điều chỉnh bài thơ. Hoạt động này có thể lặp đi lặp lại nhiều lần.
- Chia sẻ bài thơ với người thân trong gia đình, với bạn bè, với bất kì ai mà em muốn.

2. Cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, hoặc năm chữ.

a. Bước 1: Chuẩn bị

- Xác định đề tài:
 - + Đọc và xác định yêu cầu của bài tập về kiểu bài, nội dung và dung lượng bài viết: đoạn văn 200 chữ ghi lại cảm xúc về bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
- Thu thập tài liệu:
 - + Cần tìm những thông tin nào? Tìm những thông tin ấy ở đâu?
 - + Em có thể tìm và chọn bài thơ em ấn tượng nhất.

b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

- HS điền vào **phiếu tìm ý**:

Cảm xúc, ý tưởng của tác giả qua bài thơ?	
Xác định chủ đề của bài thơ?	

Những từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu và các biện pháp tu từ trong bài thơ thể hiện cảm xúc và ý tưởng của tác giả?	
Bài thơ mang lại cho em những cảm xúc nào?	
Bài thơ gửi đến cho người đọc thông điệp gì?	

- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của đoạn văn, gồm:

Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và nêu cảm xúc chung về bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ mà em đã chọn.

Thân đoạn:

- + Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ.
- + Những chi tiết, hình ảnh được trích ra từ bài thơ.
- + Những biện pháp tu từ đặc sắc trong bài thơ?

Kết đoạn:

- Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bài thơ.

c. Bước 3: Viết

Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

d. Bước 4: Rút kinh nghiệm

- Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa đoạn văn dựa vào bảng kiểm.
- Tiếp tục chỉnh sửa nếu đoạn văn chưa thể hiện đầy đủ các yêu cầu đối với đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
- Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp.

II. THỰC HÀNH VIẾT

Em hãy thực hành một trong hai nhiệm vụ sau:

Đề 01: Làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ với đề tài tự chọn.

Đề 02:Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ đã học hoặc đã đọc

➔Gợi ý:

(GV có thể giao lập dàn ý theo nhóm, mỗi nhóm làm 01 đề và cử đại diện trình bày)

Đề 01: HS tự làm theo hướng dẫn

Đề 02: Dàn ý tham khảo: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về đoạn 1 của bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*.

a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.

- Xác định đề tài:

+ Đọc và xác định yêu cầu của bài tập về kiểu bài, nội dung và dung lượng bài viết: đoạn văn 200 chữ ghi lại cảm xúc về bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

- Thu thập tài liệu:

+ Cần tìm văn bản “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải

+ Đọc các thông tin về tác giả, hoàn cảnh sáng tác tác phẩm, nội dung, chủ đề của tác phẩm, nội dung và nghệ thuật đoạn 1

b. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

*** Tìm ý:**

PHIẾU TÌM Ý:	
Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	
Cảm xúc, ý tưởng của tác giả qua bài thơ?	- Cái nhìn trù mẫn, hoà mình vào mùa xuân của thiên nhiên. - Từ đó thể hiện tư tưởng, cống hiến hết mình cho cuộc đời của chính tác giả thông qua hình ảnh ẩn dụ “Mùa xuân nho nhỏ”
Xác định chủ đề của bài thơ?	- Từ vẻ đẹp mùa xuân của đất trời, tác giả muốn góp “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của đất nước, dân tộc
Những từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu và các biện pháp tu từ trong bài thơ thể hiện cảm xúc và ý tưởng của tác giả?	- Hình ảnh ẩn dụ “mùa xuân nho nhỏ” tượng trưng cho tuổi trẻ của cá nhân hoà vào mùa xuân lớn của

	cộng đồng,.... - Những hình ảnh của mùa xuân xứ Huế thơ mộng, giản dị, đậm hồn quê: màu tím biếc của hoa lục bình, tiếng chim chiền chiện qua hình ảnh ẩn dụ “từng giọt long lanh rơi/tôi đưa tay tôi hứng”
Bài thơ mang lại cho em những cảm xúc nào?	- Cảm nhận về đẹp mùa xuân ở Huế bình dị, thân thương. Từ đó, thêm yêu và tự hào về mùa xuân, đất nước
Bài thơ gửi đến cho người đọc thông điệp gì?	- Biết yêu, trân trọng vẻ đẹp của quê hương, đất nước; tuổi trẻ cần biết sống, tự nguyện cống hiến để bảo vệ và xây dựng đất nước.

*** Lập dàn ý:**

1. Mở đoạn:

Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả, khái quát cảm xúc chung của bài thơ, đoạn 1 của bài thơ

2. Thân đoạn

Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất nước (Khổ 1)

- Nhà thơ vẽ ra trước mắt độc giả bức tranh thiên nhiên mùa xuân với:

- + Không gian: cao rộng của bầu trời, dài rộng của “dòng sông xanh”
- + Âm thanh: âm thanh rộn rã vui tươi của “chim chiền chiện”
- + Màu sắc: xanh của dòng sông, tím của hoa

⇒ Nghệ thuật đảo cú pháp: không gian cao rộng, màu sắc tươi sáng và âm thanh rộn ràng như thiết tha mời gọi níu giữ con người ở lại với cuộc sống, với mùa xuân xứ Huế tươi đẹp này

- Cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên:

- + Nhà thơ có cái nhìn trù mẫn với cảnh vật

+ Đưa tay ra “hứng” “giọt long lanh”: là giọt sương, cũng có thể là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác chỉ tiếng chim “hót vang trời”

⇒ Cảm xúc ngây ngất trước vẻ đẹp của mùa xuân của thiên nhiên, khao khát hòa mình với thiên nhiên đất trời. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, nói về giọt long lanh và tiếng chim thực chất là nói về những điều tinh túy, đẹp đẽ của cuộc sống con người.

Kết đoạn:

- Khái quát những đặc sắc về nghệ thuật làm nên thành công của bài thơ: Thể thơ năm chữ, có nhạc điệu trong sáng, thiết tha gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, giản dị, gợi cảm, nhiều so sánh và ẩn dụ sáng tạo.

- Liên hệ trình bày khát vọng cống hiến của thế hệ trẻ cho cuộc đời.

c. Bước 3: Viết bài : HS dựa vào dàn ý để viết.

d. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa lại bài (theo bảng kiểm)

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP CẢ BÀI HỌC 1

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.

c. Sản phẩm: Bài làm hoàn thiện của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Cách 1: GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS

HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

Cách 2: GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

HS làm việc cá nhân.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

- Báo cáo, thảo luận:

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

- **Kết luận:** GV nhận xét, chốt kiến thức.

A.MA TRẬN ĐỀ (Thời gian 90 phút)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNK Q	TL	
1	Đọc -hiểu	Thơ bốn chữ/ năm chữ	4	0	4	0	0	2	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn biểu cảm	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ (%)			25		35		30		10		
Tỉ lệ chung			60				40				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 7

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Chương	Nội	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi
----	--------	-----	-----------------	------------

	/ chủ đề	dung/ đơn vị kiến thức		theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Đọc- hiểu	Thơ bốn chữ/ năm chữ(Văn bản ngoài SGK)	Nhận biết: – Xác định được thể thơ/ phương thức biểu đạt/ – Nhận biết nhân vật trữ tình/ đối tượng trữ tình trong bài thơ -Nhận biết cách gieo vần, ngắt nhịp/từ loại Thông hiểu: - Hiểu được đề tài và ý nghĩa của đề tài. - Hiểu được một số từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ Vận dụng: – Rút ra được bài học ý nghĩa cho bản thân – Vận dụng hiểu biết của bản thân lí giải được yếu tố trong bài thơ.	4TN	4TN	2TL	
	Viết	Văn biểu cảm	Nhận biết: Nhận biết được đối tượng, định hướng được cảm xúc Thông hiểu: từ ngữ biểu cảm sử dụng trong văn bản. Vận dụng: Biểu cảm về đối tượng				1TL*

			Vận dụng cao: Viết được bài văn biểu cảm về một đoạn thơ: thể hiện tình cảm, cảm xúc, thái độ của bản thân trước những chi tiết tiêu biểu. Từ đó biết rút ra bài học cho bản thân.				
Tổng				4TN	4TN	2TL	1TL*
Tỉ lệ (%)				25	35	20	10
Tỉ lệ chung				60		40	

B. ĐỀ BÀI

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

TIẾNG THU (Lưu Trọng Lư)

Em không nghe mùa thu

dưới trăng mờ thốn thức?

Em không nghe rạo rức

hình ảnh kẻ chinh phu

trong lòng người cô phụ?

Em không nghe rừng thu,

lá thu kêu xào xạc,

con nai vàng ngơ ngác

đạp trên lá vàng khô?

Ghi lại chữ cái đứng trước phương án trả lời mà em lựa chọn cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8 vào bài làm. Với câu 9, 10 các em tự viết phần trả lời vào bài.

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Tự do B. Lục bát C. Bốn chữ D. Năm chữ

Câu 2. Nhân vật bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là ai?

- A. Nhân vật “em” B. Người cô phụ C. Kẻ chinh phu D. Nhân vật trữ tình

Câu 3. Cảm xúc đó chủ yếu hướng về đối tượng nào?

- A. Tiếng thu B. Nhân vật “em” C. Kẻ chinh phu D. Người cô phụ

Câu 4. Ý nào nói đầy đủ nhất phương thức biểu đạt của bài thơ?

- A. Biểu cảm kết hợp miêu tả
B. Tự sự kết hợp miêu tả, nghị luận
C. Miêu tả kết hợp tự sự nghị luận
D. Tự sự kết hợp miêu tả, thuyết minh.

Câu 5. Dòng nào nói đúng nhất về đặc điểm gieo vần trong hai khổ cuối của bài thơ ?

- A. Vần chân, liền B. Vần chân, cách C. Vần lưng, liền D. Vần lưng, cách

Câu 6. Trong bài thơ có tất cả bao nhiêu từ láy?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 7. Trong câu “Lá vàng kêu xào xạc” sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- A. Nhân hoá B. Ẩn dụ C. Hoán dụ D. So sánh

Câu 8. Em hiểu thế nào về từ “kẻ chinh phu ” trong bài thơ?

- A. Người đàn ông đi làm ăn xa
B. Người đàn ông đi phu hồ
C. Người đàn ông đi chinh chiến
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 9. Em hiểu như thế nào nhan đề “Tiếng thu” của bài thơ?

Câu 10. Chỉ ra những âm thanh của mùa thu được Lưu Trọng Lư cảm nhận trong bài thơ và nhận xét về những âm thanh ấy.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Tiếng thu” của Lưu Trọng Lư.

BIỂU ĐIỂM, ĐÁP ÁN

Phần I . Đọc hiểu (6 điểm)

Câu 1- 8: Mỗi câu đúng (0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	D	B	A	A	C	A	C

Câu 9 (1.0 điểm)

- Tiếng thu của bài thơ đó chính là những cảm nhận của tác giả cảm nhận về những hình ảnh mùa thu, những trầm lắng, suy tư sâu sắc về mùa thu.
- Tiếng thu mà tác giả cảm nhận có hình ảnh của: lá vàng, con nai, trăng mờ, người chinh phu, cô phụ.

Câu 10 (1.0 điểm)

* Âm thanh:

- Tiếng mùa thu trong đêm trăng mờ.
- Tiếng lòng của người cô phụ nhớ chồng đi chinh chiến.
- Tiếng lá khô rơi, tiếng chân nai giẫm trên lá nơi rừng thu.

* Nhận xét: đó là những xao động nhẹ nhàng, tinh tế của đất trời thiên nhiên và lòng người lúc sang thu; những âm thanh mơ hồ, mong manh, xa vắng, hư thực.

II. Viết (4 điểm)

Tiêu chí	Yêu cầu mức độ đạt được	Mức điểm
1.Yêu cầu chung: HS kết hợp được kiến thức và kỹ năng để viết bài văn biểu cảm. Bài viết phải có bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài biểu cảm; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.		
2.Yêu cầu cụ thể		
2.1.Bố cục:	Có bố cục 3 phần đầy đủ, rõ ràng: 0,5 điểm	0, 5
2.2.	Nội dung bài viết theo bố cục	

MB:	Dẫn dắt nêu cảm xúc chung về bài thơ(Bài thơ hay để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc ...)	0,25
TB:	Lần lượt nêu những cảm xúc suy nghĩ về nội dung, nghệ thuật của bài thơ. Học sinh có thể nêu cảm xúc hướng tới các ý sau: + Cảm xúc ấn tượng về nội dung của bài thơ (Bức tranh thu thơ mộng, êm đềm, có hình ảnh, sắc màu, âm thanh, chuyển động, tâm trạng; giàu chất nhạc, chất họa, chất thơ; thể hiện tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và trí tưởng tượng bay bổng của nhà thơ, đó cũng chính là tâm trạng u buồn, có chút da diết, khắc khoải cảm xúc của nhân vật trữ tình) và chia sẻ được cảm xúc về ấn tượng trong việc giả sử dụng các biện pháp nghệ thuật độc đáo trong bài thơ: + Lời thơ năm chữ giản dị, hình ảnh gần gũi quen thuộc như kể chuyện có sự kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức biểu đạt biểu cảm, tự sự, miêu tả... + Hình ảnh thơ gợi cảm về tiếng thu, bức tranh mùa thu sinh động: ++ Biện pháp điệp cấu trúc câu và sau mỗi câu hỏi tu từ thì hình ảnh, âm thanh của mùa thu được lần lượt hiện lên: + Hình ảnh “<i>dưới trăng mờ thốn thức</i>” gợi cho chúng ta liên tưởng đến không gian của một đêm trăng mùa thu, và cũng như chính cái mùa của sự phai tàn thì ánh trăng cũng nồng đượm nỗi buồn. Hay chính tâm trạng buồn của nhân vật trữ tình đã nhuộm cho ánh trăng một vẻ u sầu như vậy. Nhà thơ đã sử dụng từ “thốn thức” để miêu tả ánh trăng, như vậy Lưu Trọng Lư đã xem vầng trăng như là một hiện thân của tâm trạng, tình cảm của nhân vật trữ tình. + Âm thanh “<i>rạo rục với hình ảnh “kẻ chinh phu và người cô phụ”</i>=> “<i>Em không nghe rạo rục</i>”-những sự trách móc đầy tình cảm, nhưng dường như cũng chỉ là tự độc thoại với chính mình. Vì không nghe âm thanh thu về, nên em cũng không cảm nhận được cảm giác rạo rục, không cảm nhận được sự da diết trong cảm xúc, trong tình cảm “Em không nghe rạo rục”. “Rạo rục” chính là sự bồi hồi, đắm say của con người trước những niềm vui, niềm hạnh phúc. Và sự rạo rục này được nhà thơ Lưu Trọng Lư liên tưởng đến hình ảnh của người chinh phu và người chinh phụ. Giữa họ gắn kết bởi tình cảm vợ chồng gần gũi, tha thiết. Nhưng, cũng chính sự tha thiết, nồng thắm ấy mà khi chia li không tránh được cảm giác đau đớn, mất mát. + Hình ảnh “<i>lá thu kêu xào xạc</i>” Vào mùa thu, những cây xanh đã rụng lá, giống như thế giới tâm hồn của con người khi thu đến, đó chính là những cảm giác mất mát không tên của cảm xúc, làm khắc khoải, xao động mạnh mẽ trong tâm hồn.	2,0

	+ Hình ảnh “con nai vàng ngơ ngác/đạp trên lá vàng khô” => Con nai thường gợi liên tưởng đến sự ngây thơ, trong sáng. Và tình yêu cũng vậy, dù có bao nhiêu đau khổ thì nó cũng mãi đẹp như vậy, trong sáng như vậy. Câu thơ “Đạp trên lá vàng khô” lại thể hiện được sự kiên định cùng niềm tin bất diệt của nhân vật trữ tình của nhân vật trữ tình. Bởi dù có những bộn bề, đau đớn, mất mát thì chỉ cần còn tồn tại một thứ gọi là tình yêu thì có thể vượt qua mọi giới hạn, thử thách. - Chia sẻ cảm xúc về giá trị ý nghĩa của bài thơ với con người và cuộc sống: Bài thơ cho chúng ta thấy vẻ đẹp của bức tranh mùa thu đẹp nhưng đượm buồn, đồng thời cho thấy chúng ta những đặc sắc nghệ thuật của Lưu Trọng Lư (<i>Sau lời thơ giản dị không chỉ vẻ đẹp của mùa thu mà còn là tiếng lòng, tâm hồn nhạy cảm, yêu quê hương... Gợi tình yêu thiên nhiên, con người tha thiết...</i>)	
KB	Khẳng định cảm xúc của bản thân về bài thơ và rút ra bài học cho bản thân.	0,25
2.3. Xưng hô	Xác định được từ xưng hô trong quá trình biểu cảm	0,25
2.4. Kết hợp phương thức biểu đạt	Kết hợp giữa biểu cảm với yếu tố tự sự và miêu tả: 0,25 điểm	0,25
2.5.Sáng tạo	Diễn đạt độc đáo và sáng tạo (dùng từ, đặt câu	0,25
2.6.Chữ viết, chính tả, trình bày	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25

NHIỆM VỤ VỀ NHÀ

GV yêu cầu HS:

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.
- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.
- Làm hoàn chỉnh các đề bài.
- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.

